

Sixteen steps, and other journeys in Subud

HARRIS SMART

Cách 16 Bước

Nguyên tác **16 Steps and other Subud stories** của **Harris Smart**
Minh Thần dịch 2021

© Điện sách 07.2021 Góc Nhỏ

Sửa lỗi: Hartini Tâm Đan - Hoàng Nam

Harris Smart

Cách 16 Bước

16 Steps and other Subud stories

Minh Thần

dịch 2021

gn
2021

NỘI DUNG

Cách 16 bước	5
Đời người là một Koan	14
Một nơi chốn cho thiên thần	24
Làm việc cho Bapak	38

Cách 16 bước

David thuật lại nơi đây về cuộc đời đầy khó khăn nhưng cũng đầy ân huệ của anh. Đặc biệt anh thuật lại việc đi tìm trong nhiều năm người bố ruột mình...

Mẹ ruột tôi đưa cho người ta nuôi tôi khi tôi 4 tuổi. Bố mẹ nuôi tôi là những người da trắng. Họ sinh sống ở Liverpool chuyên nghề nuôi những trẻ da đen gốc Á Đông. Lúc tôi ở đó có tới 20 đứa trẻ, tất cả đều da đen hay gốc Á Đông. Có lần thường thì chỉ có 9 đứa.

Chúng tôi bị đối xử tệ hại. Đứa con trai của gia đình nuôi tôi, một kẻ tuổi độ 20 rành võ karate, thường đánh đập những đứa trẻ nhỏ bé hơn hẳn và quấy nhiễu những đứa bé gái. Tôi nhớ mình đã bị mẹ nuôi dùng chiếc giùi khắc nung nóng bỏng đánh đập mình, chê mẹ ruột tôi là gái điếm, còn tôi thì là "mọi da đen."

Những hoàn cảnh của nhà nuôi trẻ được thận trọng giấu kín không cho người ngoài thấy. Trong một năm nọ, người đàn bà đó được một tờ báo đặt cho danh hiệu 'Bà Mẹ Trong Năm Nay' vì công lao nuôi nấng những đứa trẻ da đen. Khi 10 tuổi, tôi nhận được 3 bức thư của mẹ tôi. Đó

là những bức thư viết rất tình cảm, và khi đến ngày sinh nhật của tôi, bà không những gửi cho tôi một món quà, mà còn cho cả những đứa trẻ khác.

Chỉ có 3 bức thư đó, rồi thì không còn gì nữa. Tôi tin là mẹ nuôi mình đã không đưa cho mình đọc, vì tôi đã bày tỏ mình vui sướng như thế nào khi nhận được thư. Trong suốt thời niên thiếu và tới tuổi trưởng thành của tôi, bà mẹ nuôi đã ngăn chặn tất cả những gì tôi muốn làm, kể cả ảnh hưởng của hội đồng nuôi trẻ đối với cuộc sống tôi. Tôi thích âm nhạc, và có một giọng nữ cao nổi trội trong đội hợp xướng của nhà thờ địa phương. Nhưng khi tôi được cơ hội vào học tại Cambridge để theo đuổi một sự nghiệp về âm nhạc, bà mẹ nuôi đã ngăn cản điều đó.

Khi 17 tuổi tôi đã có thể thoát li đến London sinh sống. Tôi trở thành một thành phần của cộng đồng người Ấn Độ Miền Tây, vì tôi nghĩ nguồn gốc mình phải là của một người Ấn Độ Miền Tây. Tôi trở thành một híp-pi, dùng ma túy và chơi nhạc trên những đường phố của London để kiếm sống.

Tôi gặp một nhạc sĩ là Jeremy Dankworth (gọi ngắn gọn là Jezz), anh nói với tôi về Subud. Anh không bao giờ tức giận, không bao giờ làm nhục ai. Anh không bao giờ dùng ma túy hay nghiện rượu, và có vẻ như tiếp xúc được với một sự chỉ đạo nào đó của nội tâm. Có lần chúng tôi cùng nhau đi dự một buổi liên hoan tại Wales. Khi chúng tôi tới đó, mọi người đã nằm gục trên sàn nhà vì ma túy. Chúng tôi đi ra ngoài, rồi lái xe về dưới cơn mưa tầm tã. Jezz chợt nói: "Nếu lúc này là sự tận cùng của thế giới, thiên hạ sẽ có những ưu tiên khác!"

Cái ý nghĩ đó không có gì là sâu sắc và độc đáo, nhưng không hiểu vì sao nó lại khiến tôi nhận thấy một điều lạ thường. Tôi chợt cảm thấy mình là một vớ vẩn vật, vớ đường phố và cây cối, vớ chiếc xe, cơn mưa và ban đêm. Có một tiếng nói nói với tôi. Cứ mỗi lần tôi hỏi là nó đáp. Nó nói tôi đừng bao giờ nên lo nghĩ. Đặc biệt có hai điều mà tôi đừng bao giờ lo nghĩ là tiền bạc và âm nhạc.

Tôi nhớ tới những lúc mình nghiệm thấy một ý nghĩ trong lành, một ý nghĩ không bị ảnh hưởng bởi những đam mê

của cái thế gian này, và mỗi lần nó đều nói: "Người không biết hay sao?" Tôi luôn thích thú tìm hiểu các UFO [vật thể bay không xác định] và nghĩ rằng chắc mình đang tiếp giao với những sinh linh từ một thế giới khác. Khi tôi không còn nhận thấy điều đó nữa, chúng tôi đến một ngôi làng. Tôi cảm thấy Jezz cũng ý thức được những gì đã xảy ra nên hỏi anh đã cảm thấy gì: "Dave, nếu bạn hay được," anh đáp, "có những sức mạnh khiến kinh ngạc trên cái thế gian này." Tôi bắt đầu tìm hiểu về Subud và cuối cùng được khai mở.

Trong suốt lúc đó, tôi liên tục đi tìm bố mẹ mình. Có lần, khi nộp đơn xin một hộ chiếu, tôi nhận được một tờ khai sinh trên đó tôi thấy tên mẹ mình: "Diana Mary Rose Perkins trước kia là Egege." (Trong nhà nuôi trẻ tên họ tôi là "Gregg") Tôi đi tìm trong mỗi cuốn niên giám điện thoại để mong tìm thấy cái tên Egege. Tôi nhận được ngay cả một công việc bán điện thoại, khiến tôi có thể truy cập các danh bạ điện thoại trên khắp đất nước. Tôi có thói quen là bất cứ mình tại đâu tôi cũng coi xét trong cuốn niên giám điện thoại để xem có cái tên mình muốn tìm hay không, nhưng không bao giờ tìm thấy.

Trong sự tuyệt vọng tôi điện thoại cho những ai tên là Perkins, những tên ngẫu nhiên lựa chọn, nhưng ở Anh có hàng ngàn người tên là Perkins, và lối tiếp cận đó thật vô vọng. Tuy nhiên, trong bất cứ cuốn niên giám điện thoại nào ở Anh, và của bất cứ quốc gia nào tôi đến, tôi đều tìm xem có cái tên Egege hay không, vì đó là cái manh mối duy nhất về gia đình ruột thịt mình. Tôi làm quen với Yvonne, một người Úc sinh sống ở Anh, chúng tôi kết hôn và đến Tây Đức sinh sống. Chúng tôi định cư tại Hamburg và là thành phần của nhóm Subud tại đó. Tôi làm việc đặc lực, và đứa con gái đầu lòng, Sarah, ra đời, tiếp theo là Davina, đứa con gái thứ hai.

Chúng tôi ở đó được 3 năm rưỡi thì tôi bắt đầu nhận thấy mắt mình có vấn đề. Cái nhìn của tôi trở nên mờ nhạt, như có một lớp rỉ màu xanh lá cây trong mắt. Một buổi sáng nọ, tôi thức dậy mà không nhìn thấy rõ và thấy đau đầu vô cùng. Tôi được đưa vào bệnh viện trong đó người ta nói tôi bị viêm màng não, và sẽ bị mù.

Trong phòng tắm của bệnh viện có một gương kính trên tường, và lần đầu tới đó tôi có thể nhìn thấy chính mình cách đó 16 bước. Nhưng rồi cách đó 14 bước tôi mới nhìn thấy mình, rồi thì 12, 10 và cuối cùng là 4. Bác sĩ nói cái nhìn của tôi sẽ thường xuyên bị suy kém. Tối đa là tôi chỉ có thể phục hồi lại được 30%. Họ nói là căn bệnh đó đã phá hủy những tế bào trong mắt không bao giờ có thể phục sinh.

Cuối cùng, tôi phải chấp nhận mình sẽ bị mù. Tôi rất chán nản. Đời tôi hình như luôn là bất hạnh và thiếu may mắn. Tôi nhớ tới cảnh địa ngục trên trần gian tại nhà nuôi trẻ, và bây giờ thì ngay lúc mọi việc có vẻ trở nên khá hơn thì tôi sẽ bị mù. Tôi nghĩ tới những đứa con gái mình đang lớn lên, và mình sẽ không bao giờ nhìn thấy mặt chúng

Một huynh đệ Subud, một người Na Uy tên là Labisir Olssen, đến bệnh viện thăm tôi mỗi tối; anh đem theo bông hoa và trái cây, cùng với một băng thâu thanh buổi nói chuyện của Bapak. Nhưng Thượng Đế và latihan đã làm tôi thất vọng, nên tôi luôn không chịu nghe băng đó. Có những lúc chán nản tới nỗi tôi suốt ngày nằm trên giường nói đi nói lại: "Xin Chúa giúp con, xin Chúa giúp con."

Đêm hôm đó, Labisir đến mang theo băng thâu thanh như thường lệ. Tôi không muốn nghe. Labasir không nhượng bộ. Anh luôn nói: "Nghe đi nào, có mất mát gì đâu!" Tôi giữ lại cuốn băng, và khi anh ra về, tôi vặn lên nghe. Từ những câu nói đầu tiên, từ lời chào hỏi của Bapak, "Saudara saudara," (Thưa các anh chị em) tôi cảm thấy mọi sự đều thay đổi. Cuốn băng đó đề cập tới quy thuận, chấp nhận và kiên nhẫn. Tôi cảm thấy như mỗi lời nói là cho chính mình. Điều đó hình như hoàn toàn thích ứng cho tình trạng tôi.

Tôi có thể chấp nhận những gì xảy ra cho mình. Tôi cảm thấy nếu mình bị mù, thì phải có nguyên nhân. Tuy không hiểu được nhưng tôi phải chấp nhận. Mọi sự đã thay đổi. Yvonne và tôi bắt đầu đặt kế hoạch dựa trên sự việc tôi bị mù. Đêm hôm đó trong đài ra-đi-ô có một chương trình về ca sĩ Ray Charles, về việc ông thành một nhạc sĩ đại tài tuy bị mù. Tôi cảm thấy mình cũng có thể được như vậy.

Một tuần sau đó trong phòng tắm, tôi nhận thấy mình có thể nhìn thấy chính mình trong gương kính, tuy chỉ cách độ 6 bước. Tôi hỏi bác sĩ là mình có thể nhìn thấy trở lại?

Bác sĩ nói: "Đáng tiếc là điều đó không thể có. Các tế bào đã bị phá hoại. Nên không thể phục hồi được." Tôi nấn nỉ họ xét nghiệm lại. Một cách miễn cưỡng, họ đồng ý và nhận thấy cái nhìn của tôi đang phục hồi. Các tế bào đang sống lại. Một hôm tôi hỏi họ: "Bác sĩ thấy điều đó như thế nào?" Họ nói: "Đây phải là một trường hợp G.O.K" "Như vậy là gì?" "God only know(chỉ Thượng Đế mới biết)"

Khi cái nhìn của tôi hầu như hoàn toàn phục hồi, Yvonne và tôi tới Úc sinh sống, nơi bà xã tôi cần có bố mẹ mình. Tôi cảm thấy ngay nơi đó rất thoải mái cho mình. Yvonne luôn nói với tôi bầu trời ở Úc rộng lớn như thế nào, và tôi chưa từng hiểu được như vậy. Yvonne ơi là Yvonne, bầu trời là bầu trời, làm sao lại có thể chỗ này lớn hơn chỗ kia? Nhưng điều đó lại là như vậy được. Khi tới đó, tôi hiểu được điều bà muốn nói, và cảm thấy thật thoải mái, như đó là một quê hương rộng lớn của mình.

Chúng tôi định cư tại Adelaide. Một đêm nọ, tôi có một chứng nghiệm thật kỳ lạ. Tôi đang đặt đứa bé gái mình lên giường ngủ thì chợt có một cảm giác mãnh liệt dâng trào từ ngực mình. Tôi trông thấy linh hồn đứa bé gái mình, rồi ngất xỉu trên sàn nhà. Tiếp theo đó có thêm những chứng nghiệm khác. Tôi luôn nhận biết được nó sắp xảy ra bởi sự bộc phát của một cảm giác trong ngực mình. Tôi đi dạo trên đường phố, thì thường có cái cảm giác đó, và thấy mình trong một căn phòng với một người nào đó, luôn là trong phòng đó, luôn là người đó. Người đó ngồi sau một bàn giấy đang hút một điếu xì-gà.

Tôi cảm thấy mình quen biết ông cũng như quen biết chính mình, nụ cười của ông, tất cả những gì về ông. Cái chứng nghiệm đó mất đi, và tôi lại đang đi trên đường phố. Có những lúc suốt ngày tôi không làm gì ngoài khóc ra. Khóc không là vì cảm thấy đặc biệt buồn. Bất cứ gì cũng có thể khiến khóc. Cách một tờ báo xoắn cuộn vào ống tay áo của một kẻ nào đó. Âm thanh của một xe ô tô trên đường.

Có những lúc suốt ngày chỉ là cười. Cười khúc khích trên xe buýt làm cho những người chung quanh nhìn mình. Cái cười hoàn toàn không thích đáng, không thể ngăn cản. Tôi nghĩ mình bị loạn trí. Sau nhiều tháng vì điều đó, tôi kể hết cho Bapak hay trong một bức thư. Đêm hôm đó, Yvonne thức dậy, vì tôi đập vào người bà trong cơn một chúng co giật.

Tại bệnh viện người ta nói là tôi bị chứng động kinh do viêm màng não, và những gì xảy ra trước kia là petit mal¹. Bởi những cơn đó có thể xảy ra bất cứ lúc nào nên tôi không thể kiếm một việc làm thông thường để nuôi gia đình. Bây giờ thì chúng tôi có một đứa con trai cùng với hai đứa con gái. Cuối cùng, tôi có thể kiếm một việc làm bán thời gian tại trường âm nhạc dạy chơi đàn guitar cho dân bản địa, và sau đó tại một trường trung học có rất nhiều những đứa trẻ bản địa.

Tôi thấy mình có cảm tình với hoàn cảnh khó khăn của họ. Tôi nhận thấy những thành kiến người ta thường có với họ. Tôi cũng thấy mình tìm cách giúp họ với những gánh nặng của họ, làm cho họ hết nghiện ma túy và rượu chè, giúp họ kiếm nơi ăn chốn ở, khuyến khích những năng khiếu chưa nhận thấy rõ của họ.

Đồng thời tôi đụng độ với những lãnh tụ đòi chiến đấu của dân bản địa. Những nỗ lực của tôi để làm cho tình trạng dạy học trở nên bớt hỗn loạn không được ưa chuộng, nên tôi đành phải từ nhiệm.

Trên hết là nhóm Subud ở Adelaide vô cùng phân hóa, và một kẻ là phụ tá nam duy nhất như tôi thấy mình chịu trận giữa những cuộc xung đột. Cuối cùng một vài hội viên đã ra đi để lập nên một nhóm khác. Tôi đã đặt nhiều kỳ vọng ở việc chúng tôi tới Úc định cư -tôi cảm thấy đó sẽ là một thời gian làm việc chăm chỉ và có kết quả- nhưng bây giờ thì tôi chán nản về mọi mặt.

Ngay trước lúc Giáng Sinh 1984 tôi thức dậy sau một giấc mơ mãnh liệt và cảm thấy mình phải liên lạc với một kẻ nào đó ở Anh. Tôi không thể nhớ lại nội dung giấc mơ, chỉ có điều là cảm thấy mình vô cùng cần phải liên lạc với ai

1 Chứng động kinh xảy ra ngăn ngủ khiến bất tỉnh

đó ở Anh. Kẻ duy nhất mà tôi nghĩ tới là một người anh em cũng là con nuôi như tôi. Tôi biết địa chỉ cuối cùng của anh, và đến thư viện công cộng ở Adelaide, nơi có tất cả những niên giám điện thoại tiếng Anh. Tôi không thể tìm thấy số của người anh em mình, nhưng ngay lúc rời khỏi thư viện, tôi nhận thấy trên một quầy bưu điện một cuốn niên giám điện thoại cho Bradford, một thành phố ở Yorkshire. Do thói thúc của một thói quen luôn tìm kiếm cái tên "Egege" trong những cuốn điện thoại, tôi xem chương mục của Bradford. Trên trang đầu tôi thấy cái tên của chính mình "D.Egege."

Tôi ngồi nơi bàn trong một tiếng đồng hồ, không thể cử động, choáng váng vì cú sốc nhìn thấy điều mình tìm kiếm trong nhiều năm. Cuối cùng tôi lấy lại đủ bình tĩnh để lái xe về nhà. Trong suốt lúc đó, tôi nghĩ tới mình có thể bị một chứng petit mal khiến phải chết vì tai nạn lưu thông. Tôi thấy được điều đó như một quang cảnh của xi-nê, người hùng trong phim chết với số điện thoại trong túi, không ai biết được nó có nghĩa gì.

Nhưng rồi thì tôi cũng về tới nhà, và cho Yvonne hay về những gì mình tìm thấy. Chúng tôi gọi số điện thoại đó, không chắc là sẽ được gì. Có thể sẽ là mẹ tôi. Điều tối thiểu tôi mong là sẽ có ai đó cho mình hay về cái tên "Egege." Nó do đâu? Thuộc loại nào?

Không có ai trả lời. Trong vài ngày tiếp theo, tôi kêu thêm nhiều lần nữa, nhưng cũng không có ai trả lời. Tôi có ý quên hết chuyện đó đi thì một anh bạn nói tôi nên thử một lần nữa. "Anh không thể bỏ cuộc trong lúc này. Ngay cả nếu không là mẹ anh, thì cũng có thể là một người bà con. Nên tôi gọi một lần nữa, và lần này thì có một người đàn ông trả lời. "Hello," người đó nói. Nghe như giọng nói dồi dào và sâu sắc của một người Phi Châu.

- Hello, tôi nói trong trạng thái căng thẳng, tên ông là Egege, có đúng vậy không?

- Đúng vậy

- Tôi gọi từ Úc và tên tôi cũng là Egege. Tôi chưa từng gặp bất cứ ai khác với cái tên đó trước đây.

- Tôi không quen bất cứ ai ở Úc.
- Nhưng ông có thể cho tôi biết cái tên đó là do đâu?
- Từ Tây Phi.
- Ông có thể cho hay vùng nào của Châu Phi?
- Nigeria.
- Chữ 'D' trong tên ông tượng trưng cho gì vậy?
- David.
- Lạ thật. Tên tôi cũng là David. Có lẽ ông quen một người tên là Diana Mary Rose Perkins.
- Tôi quen.

Thật không thể ngờ. Tôi chưa nhận thức được đó là bố mình, nhưng nói chuyện với một người quen biết mẹ mình thì thật phi thường.

- Ông có thể cho tôi biết về bà ta?
- Được chứ. Bà là một người ở Liverpool...
- Đó cũng là nơi tôi sinh ra, tôi ngắt lời ông, tôi sinh ra ở Liverpool.
- Cậu sinh ra ở đó?
- Vâng, trong năm 1953. Diana Mary Rose Perkins là mẹ tôi.

Có một sự im lặng dài lâu điện thoại bên kia. Thì tôi nghe thấy có tiếng nói: "Trời ơi là trời."

- Có chuyện gì không? tôi hỏi
- Nếu cậu sinh ra trong năm 1953 ở Liverpool và Diana Mary Rose Perkins là mẹ cậu, thì tôi là bố cậu.

Tôi cảm thấy như mình sắp ngắt xiu. Yvonne khóc bên cạnh tôi. Tôi nói chuyện với bố tôi trong 40 phút. Cuối cùng tôi nói: "Con phải đi đây."

- Con cứ tự nhiên.

- Nhưng con sẽ gọi điện thoại một lần nữa.
- Được chứ. Bố muốn con gọi.

Nhưng một vài ngày sau, chính ông đã gọi điện thoại cho tôi.

- David? ông nói.

- Dạ?

- Bố đây. Bố phải gọi cho con để chắc chắn điều này là có thật. Bố nghĩ có lẽ mình đã nằm mơ.

Theo đó là những người con của bố dường gọi điện thoại cho tôi. Bố tôi đã lấy vợ thêm hai lần nữa sau quan hệ với mẹ tôi. Từ chỗ vô gia đình tôi là thành viên của một gia đình rộng lớn. Ngoài những bà con trực tiếp ở Anh, tôi thấy mình là thành phần một thị tộc rộng hơn với những chi nhánh ở Nigeria và New York.

Đầu năm đó tôi tới Anh để thăm bố tôi. Trong chuyến bay tới đó, tôi không có nhớ lại được gì, ngoại trừ mình bị hai cơn động kinh. Nhưng ngay sau khi tôi tới, một người anh em bố dường đem tôi tới một nhà trong cư xá thành phố Bradford, nơi tôi cuối cùng ôm hôn bố tôi. Tôi nhận ra gia tộc mình ở Nigeria thuộc thành phần giàu có và quan trọng. Bởi là một người anh cả, tôi nghĩ mình sẽ có một vai trò quan trọng.

Tôi chưa thể tìm thấy mẹ tôi. Mẹ tôi là một người da trắng, và có những hàng rào về giai cấp và chủng tộc giữa bố mẹ tôi. Tôi và bố tôi đã đi tìm bà, nhưng cho tới nay vẫn chưa biết được tung tích bà. Trong lúc này, tôi có ý định đến Nigeria. Chuyện này chưa tới hồi kết thúc.

Đời người là một Koan²

Hasan Vogel là một kiến trúc sư Thụy Sĩ sinh sống nhiều năm ở Thái Lan và Indonesia. Anh là người thiết kế nhiều cao ốc tráng lệ, trong đó có những sứ quán, cao ốc văn phòng ở Bangkok và Jakarta. Anh cũng là kiến trúc sư cho một số những dự án quốc tế của Subud, như S.Widjojo và khu vực hành chính Tengkilang tại Kalimantan.

Năm 1961 tôi trở về Thụy Sĩ sau khi làm việc 3 năm tại Á Đông. Tôi vừa mới xây cất sứ quán Thụy Sĩ ở Bangkok, và bây giờ thì hợp đồng với chính phủ Thụy Sĩ như vậy là hết. Một hôm nọ, tôi ăn uống với mẹ mình tại một tiệm cơm chay. Thức ăn thật khó nuốt vì toàn là rau cải. Nơi bàn bên cạnh chúng tôi có một người Anh kỳ quái, một kẻ lưng gù, và không hiểu vì sao tôi nghĩ kẻ đó là một gián điệp, hay một nhân viên mật vụ. Y đang lớn tiếng nói cho mọi người trong tiệm ăn nghe về những phong trào tôn giáo.

Vừa mới ở Thái Lan nên tôi rất thích đạo Phật, và cũng vừa mới gặp Krisnamurti hiện đang ở Thụy Sĩ. Kẻ lưng gù đó nói: "Quý vị có biết cái một thịnh hành đó là gì không? Cái đó là Subud ." Cái tên đó nghe khôì hài tới nỗi tất cả

2 Trong Thiền Tông koan là một công án hay câu đố để người tu hành chiêm nghiệm khiến được thông tuệ.

chúng tôi đều phá lên cười. “Subud là gì?” tôi hỏi y. Nhưng y không thể trả lời. Sau khoảng nửa tiếng đồng hồ, chúng tôi biết được y là người trong cuộc nhưng lại không thể giải thích đó là gì. Có điều gì là một căn phòng đen tối, và mọi người vào đó gây nên những tiếng động. Như vậy thì chẳng có nghĩa gì hết, nhưng không hiểu vì sao tôi lại muốn biết thêm.

Y nói: “Tôi không thể giải thích, nhưng ông có thể đọc một cuốn sách. Đó là một cuốn sách của một nhân vật tên là Bennett, và tôi nhận thấy có một cuốn bày bán ở Lausanne. Nên tôi đến tiệm sách đó ở Lausanne. Đó là một trong những tiệm tôi thường vào đó ăn cắp những cuốn sách khi còn là sinh viên. Tôi đến nơi có những sách triết học, nhưng không có bất cứ gì về Subud. Tôi đến nơi mình thường cất những sách mình muốn ăn cắp. Tôi đặt tay vào đó, thì có cuốn *Concerning Subud*. Điều đó thật ấn tượng, nên tôi mua sách. Tôi đọc sách và thấy rất phấn chấn, nhưng không biết phải liên lạc với ai.

Thế rồi một hôm nọ, tôi tình cờ gặp kẻ lưng gù ngoài đường, và y cho tôi địa chỉ của Ronimund von Bissing. Von Bissing đã viết một trong cuốn sách hay nhất về Subud là *Songs of Submission*, một cuốn gồm những bài thơ bằng văn xuôi về latihan, được nhiều người coi là một tác phẩm cổ điển về tâm linh của thế kỉ. Một đêm khuya nọ, vợ chồng tôi đến gặp ông. Biệt thự của ông thật đẹp, ban đầu ông không muốn mở cửa, nhưng vì tôi nài nỉ là mình vô cùng muốn biết về Subud, nên ông nói: “Được rồi, tôi cho anh 15 phút.”

Chúng tôi vào nhà trong thì ông bắt đầu cho chúng tôi hay những điều khủng khiếp nhất về Subud. Tất cả những gì khủng khiếp có thể xảy ra cho mình, như thế nào cuộc đời mình có thể bị đảo lộn. Nếu giàu có, ta sẽ sạt nghiệp và vv...Khi ông xong, tôi nói: “Đó đúng là cái chúng tôi đang đi tìm.” Ông nhạc nhiên: “Anh muốn nói là mình vẫn còn muốn tìm hiểu?”

- Ông nói đúng, nhưng tại sao ông lại làm cho chúng tôi nản chí?

- Nhiều người vào rồi thì bỏ. Nhưng tại sao anh lại thích

tìm hiểu?

- Tôi không biết. Đó có vẻ như là chân đạo.

Tôi kể cho ông nghe về một điều mình trải qua trên một chuyến xe buýt, và đó là lúc tôi đọc một cuốn sách của một tác giả Đức về Thiền Tông và thuật bần cung. Có một kẻ vào tu tại một tu viện Thiền Tông để học cách nghiệm được satori (đốn ngộ). Các nhà sư làm cho hắn nản chí bằng cách chế nhạo những cố gắng giải được những koan cho hắn. Đó là phép tu của Thiền Tông theo đó sư phụ đòi đệ tử phải trả lời những câu hỏi phi lí như "Âm thanh của vỗ tay là gì?"

Hắn tìm mọi cách giải những koan đó, nhưng càng cố sức, hắn càng bị sư phụ mình chửi: "Mày ngu quá, sao mày không về Đức đi?" Điều đó khiến hắn cảm thấy bị tổn thương rất nhiều, nên hắn tiếp tục cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của một cái koan phi lí.

Đột nhiên xe buýt thẳng lại, cuốn sách bay ra khỏi bàn tay tôi, tôi ngã nhào vào bụng một người đàn bà mập mạp, và đó là một tư thế khô hài nhất, tôi liền nhận thức được giải đáp của câu koan là không có giải đáp theo nghĩa của trí thức, mà cuộc sống chỉ là những gì mình phải sống. Tôi trong một tư thế trong đó người ta nói: "Bậy bạ! Đẹp bỏ hết đi!" Cuộc sống là một cái koan liên tục, và ta phải sống hết giây phút này tới giây phút khác, đi từ câu đố hay cái koan này tới cái khác, và nếu không lừa dối chính mình, hay biện hộ cho chính mình, ta sẽ đạt tới chỗ sâu nhất của sự phi lí. Và đó là những gì tôi nghe Von Bissing nói về Subud.

Tôi nói với ông: "Tối thiểu thì như vậy có vẻ là xác thực. Nó hợp với sự hiểu biết của tôi về cái koan. Ông nói: "Có một điều lệ là phải đợi chờ 3 tháng. Tôi nghĩ là anh đã đủ căn cơ, nên Thứ Năm tới chúng tôi sẽ khai mở cho anh."

Geneva có nhóm Subud nên Thứ Năm tôi tới đó, tới đúng lúc ăn định. Tôi thấy tức cười nơi đó thuộc khu vực chốn lầu xanh, và tất cả các gái lầu xanh đều đi ngang qua đó trên đường. Có một cánh cửa nhỏ và một bảng trên đó đề "Hội Tâm Linh," nơi họ dùng cho latihan.

Tôi bước lên cầu thang và đi ngay vào nơi tập latihan của phái nữ. Tất cả đều đen tối như mực, tôi sợ hãi và lúng túng chạy ra ngoài. Tôi chạy xuống cầu thang, đụng đầu với Von Bissing đang đi tới. Ông nghĩ tôi muốn đùa cợt nên đã vào chỗ tập latihan cho phái nữ. Ông phá lên cười rồi nói: "Hay quá, như vậy thì khỏi phiền cho chúng tôi. Anh đã được khai mở."

Ngay sau khi chúng tôi được khai mở, nhiều điều kỳ kỳ đã xảy ra cho mình, đúng như Von Bissing đã tiên đoán. Sau khoảng một năm, chúng tôi quyết định rời khỏi Thụy Sĩ. Chúng tôi tậu một xe tải Volkswagen, do kết quả của trải nghiệm, và lên đường tới Thái Lan trong một chuyến đi 6 tháng với đứa con gái đầu lòng, mới 9 tháng là Rukmini. Chúng tôi không hiểu gì nhiều về Subud, nhưng những gì chúng tôi biết được là bất cứ lúc nào cần, chúng tôi sẽ được cứu giúp. Chúng tôi trải qua những phép màu khó có thể tin, hết phép màu này tới phép màu khác. Bây giờ thì tôi biết được đó không là những phép màu, mà một thực tại chúng ta thường không thấy, nhưng với latihan thì chúng ta bắt đầu thấy được.

Ngày chúng tôi ra đi là lúc mưa, và tôi chưa từng lái chiếc xe đó trước kia. Khi ra ngoài thành phố và băng qua một cây cầu trên một hẻm núi, xe bắt đầu trượt trên con đường sỏi. Tôi không thể nhìn thấy gì vì cơn mưa, nên xe trượt bánh đụng vào thành cầu. Tôi nghĩ: Thôi rồi...

Đột nhiên tất cả đều ngừng lại. Một sự im lặng vô cùng. Tôi không thể ra ngoài xe. Nó dừng lại cách rào chắn được 10cm, mà không đụng vào. Tôi nhận thức được là không có cách nào đậu xe lại như vậy. Bất cứ chỗ nào chúng tôi tới thì đều như thế. Bất cứ lúc nào xe bị pan, thì là tại một chỗ có thể xoay sở. Phải lựa chọn giữa hai con đường, bàn tay tôi chỉ việc tự nhiên xoay bánh lái. Tin cậy những gì xảy ra là việc tự động.

Tôi lấy một thí dụ. Chúng tôi tới gần Istanbul thì có hai con đường. Một con đường là 70km, con đường kia là 180km. Bàn tay tôi chọn con đường dài hơn. Như vậy tức là phải đi qua những ngọn núi trong khi máy xe không mấy tốt, nhưng chúng tôi tới một thành phố tuyệt vời với những giáo đường rất đẹp. Sáng hôm sau, khi tới Istanbul chúng

tôi thấy chiếc xe đằng sau mình nơi ngã ba, và họ trách chúng tôi: "Anh tẻ thật, tại sao anh không bảo chúng tôi theo anh? Tại sao anh không cho chúng tôi hay con đường kia đã bít lại?"

Chúng tôi tới Beirut mừng một tháng Giêng. Chúng tôi không tiền bạc, đó là ngày lễ và chúng tôi không thể đổi tiền với những chi phiếu cho du khách. Tôi có địa chỉ của một hội viên Subud, một người Armenia. Tôi dừng xe lại hỏi một đứa bé: "Em có thể dẫn tới địa chỉ này?"

Chúng tôi đi bộ. Chúng tôi đi hết đường này tới đường khác. Chúng tôi đến địa chỉ đó, đó là một tiệm bán hàng, nhưng đã đóng cửa. "Có chuyện gì không?" một người đàn ông hỏi tôi, khi thấy tôi đang đứng đó. Tôi cho hay thì y nói: "Tôi cũng là dân Armenia. Nhà bạn ông trên núi gần nhà tôi. Tôi dẫn ông tới đó."

Đi qua thành phố tới đó chúng tôi thấy một tai nạn lưu thông. "Bạn ông kia kìa," y chỉ vào một người đàn ông đang đứng bên tai nạn lưu thông. "Ông là người nước nào?" người đó hỏi khi chúng tôi làm quen nhau. Tôi cho anh hay mọi việc, và anh dẫn tôi tới nhà anh để ăn trưa. Một bữa ăn thịnh soạn với thịt gà tây. Chị vợ anh nói: "Lạ thật, chúng tôi chưa bao giờ có nhiều đồ ăn như vậy, nhưng hôm nay tôi cảm thấy là phải ăn con gà tây." Chúng tôi đói cào ruột sau nhiều ngày trong sa mạc, nên ăn ngẫu nhiên.

Sau đó, tôi giao thiệp trong một tuần lễ với một vài nhà tu Hồi giáo. Tôi khai mở cho một người trong họ. Ông vẫn còn sống, hiện nay đã trăm tuổi và mỗi năm ông viết cho tôi một bức thư. Tôi không là người Hồi giáo, nhưng ông thường nói: "Tại sao anh nói mình không là người Hồi giáo? Anh luôn từng là người Hồi giáo."

Chúng tôi tới Bombay và chỉ còn một lít xăng và một đồng rupee. Hôm đó là Thứ Bảy. Chúng tôi có một địa chỉ, nhưng đó là địa chỉ một văn phòng nhưng đã đóng cửa. Có một số điện thoại trên cửa, nên tôi dùng đồng rupee cho điện thoại. "Tôi có thể nói chuyện với ông X?"

Một tiếng trả lời lúng túng: "Được, ông ấy có đây." Tôi

nghe thấy một giọng nói. Những âm thanh giận dữ: "Ông là ai? Làm sao ông biết tôi có đây?" Tôi nói mình là một hội viên Subud Thụy Sĩ. "Thì ra là vậy, nhưng làm sao anh biết tôi ở nơi đây?"

Tôi cho hay số điện thoại nơi cửa văn phòng, việc mình chỉ còn một lít xăng và một đồng rupee. "Như vậy là đủ cho anh tới YWCA (Young Women's Christian Association). Anh có thể ở đó để tôi tới gặp anh ngày Chủ Nhật." Anh ấy chỉ cho tôi hướng đi tới đó, nên chúng tôi lái xe tới YWCA. Trong 10 phút cuối cùng, chúng tôi phải đẩy xe.

Ngày Chủ Nhật, anh tới gặp chúng tôi và kể cho nghe một chuyện ly kỳ. Một ngày trước đó, trên đường về nhà, anh chợt quyết định tới nơi ông sếp anh. Thường thường thì anh không bao giờ tới đó, nhưng hôm đó anh lại quyết định tới. Lúc anh tới, sếp anh nói: "Đây này, có một người gọi điện thoại cho anh."

Đó là số điện thoại của sếp anh trên cửa văn phòng. Sếp anh hiểu kì: "Làm sao một người từ Thụy Sĩ lại biết anh nơi đây?" Nên anh phải nói với sếp mình về Subud, và điều đó dẫn tới việc ông được khai mở.

Từ Madras chúng tôi đáp tàu tới Thái Lan là nơi định cư. Ngay sau khi chúng tôi định cư, nhiều người tới thăm chúng tôi. Những kẻ vẫy xe xin đi nhờ, những kẻ quen biết chúng tôi trên đường, và một nhóm Subud được lập nên ở Bangkok. Đó là một nhóm muôn màu muôn sắc, với những nghệ sĩ, văn sĩ và những kẻ thích phiêu lưu.

Hầu hết mọi người đã ra đi sau một hay hai năm. Tôi vẫn còn được tin về một vài người trong họ. Một người đang quản lí một khách sạn ở Wolfsburg. Một người đã lập nên những trường học ở Ecuador. Một người đang ở Israel, một người khác thì ở Anh. Richard Pollard là người đang làm việc ở Jakarta. Có nhiều người Mỹ, và thỉnh thoảng họ xuất hiện.

Vài người Thái đã gia nhập. Có một người Mỹ học cách thành một nhà sư Phật giáo. Anh vào Subud và không còn là một nhà sư nữa. Sau phong trào Phật giáo, có một vài người Hồi giáo. Một hôm nọ, chính tôi cũng thành một

người Hồi giáo ở Hong Kong, và sau đó thì nhiều người Hồi giáo đã gia nhập.

Subud luôn là như vậy, có những chuyện xảy ra bất ngờ, nhờ những quan hệ không thể ngờ tới. Ta là thành phần một kết cấu của những biến cố chẳng chịt. Ta không thể nhìn thấy tất cả các khuôn hình, chỉ thỉnh thoảng thoáng thấy một manh mối nơi này hay nơi kia. Một điều xảy ra thì hàng ngàn điều khác xảy ra nhờ đó.

Tôi làm việc với một thầu khoán người Hoa, và sau đó có một văn phòng đồ án của chính mình với sự hợp tác của một người Pháp. Chúng tôi làm ăn trong nhiều năm với việc xây cất những cao ốc văn phòng cho IBM, Swissair, Shell, Esso và Kodak.

Thường đến Ciladak ở Indonesia để kiểm việc làm, tôi nhận được một hợp đồng với một công ty Pháp muốn xây cất một cao ốc tại Jakarta. Đó đúng là lúc thiên hạ chú ý tới việc xây cất ở Jakarta. Một hôm nọ, thư kí của Bapak, Sharif Horthy, nói với tôi Bapak đã mua một khu đất và muốn có một cao ốc văn phòng. Tôi nói đó là một ý kiến rất hay vì hợp thời. Tôi bắt tay vào việc làm, và nhanh chóng đưa ra một đồ án với hình vẽ và mô hình.

Điều đáng nói là cái cao ốc cho người Pháp đã hủy bỏ. Chúng tôi đang xây những nền tảng của nó thì có vấn đề tài chánh. Điều đó cho tôi một kinh nghiệm mà tôi dùng cho việc xây cất cao ốc S.Widjojo sau này.

Bởi tôi không thể luôn có mặt ở Indonesia, nên những chi tiết của đồ án được thực hiện bởi IDC (International Design Consultant) là một nhóm kiến trúc sư và kĩ sư Subud căn cứ ở Jakarta. Về một vài phương diện, S.Widjojo không như một dự án xây cất thông thường, vì không bao giờ chắc chắn sẽ có tiền. Tiền đến một cách không thể tiên đoán, bởi chúng tôi dựa vào đức tin và thiện chí của những nhà đầu tư nhỏ bé của Subud trên khắp thế giới.

Hồi đó công nhân Indonesia thiếu khả năng chuyên môn. Một cao ốc văn phòng như S.Widjojo là điều gì rất mới lạ với họ. Đó là một công trình có tính khai phá. Những kẻ làm việc gắn điện có thể thiếu điện nước trong nhà mình.

Nhưng họ học hỏi nhanh chóng. Những chi tiết về cao ốc là của Thụy Sĩ, nhưng các công nhân học được cách làm như thế nào. Một khi hiểu được những gì phải làm, họ tiến hành công việc.

Thiên hạ đôi khi hỏi tôi là một người Subud thì có ảnh hưởng gì tới công việc kiến trúc của tôi hay không. Một điều tôi nhận thấy là khi tới một công trường, tôi luôn đi thẳng vào vấn đề, những sai sót, những gì người ta tìm cách giấu giếm. Sau một thời gian, thiên hạ hiểu được điều đó của tôi, nên họ không còn tìm cách giấu giếm bất cứ gì. Đương nhiên là tôi thấy được những gì là đúng, những gì là sai.

Đôi khi thiên hạ nghĩ rằng với một kiến trúc sư Subud thì phải có những cao ốc mang ý nghĩa tâm linh và biểu tượng. Chẳng hạn như trong trường hợp của S.Widjojo, một vài năm trước khi nó được xây cất, Bapak nói rằng mình muốn có một tàu thủy để du hành khắp thế giới. Khi S.Widjojo xây cất xong, thiên hạ nói rằng hình dạng của nó giống với một tàu thủy, và đó là con tàu Bapak luôn nói tới.

Không phải vậy, đó chỉ là tình cờ. Sự thật là đất đai dài và hẹp nên phải xây cất một tòa nhà dài và thon hẹp, với những mặt tiền bên hông thay vì trước mặt đối diện đường cái. Để tầm mắt có thể nhìn thấy tòa nhà mà không bị cản trở, tôi đã có giải pháp là vẽ nhà như một tàu thủy. Ánh sáng chiếu vào như nước tràn qua tàu thủy.

Nhưng đó không là một tàu thủy mà Bapak đòi hỏi. Sau khi vẽ kiểu nhà chúng tôi nói: "Đây chắc là chiếc tàu của Bapak." Nhưng đó chỉ là nói đùa. Nó không đi tới bất cứ đâu, và ta không thể có một con tàu không đi tới đâu. Tất nhiên nó nổi trên một cái bè bằng bê-tông, và những chỗ che nắng của nó trông như những cánh buồm nhỏ bé. Nếu thiên hạ coi đó là một biểu tượng, thì đó là chuyện của họ.

Tòa nhà không là biểu tượng của những gì là tâm linh bí ẩn, mà là những gì có ý nghĩa hồi đó ở Indonesia. Nó cho thấy là có thể xây cất ở Indonesia một cao ốc có chất lượng như ở Thụy Sĩ, thích ứng với những nhu cầu địa phương.

Hiện nay mọi người đều nói tới chuyện xây cất những cao ốc phản ánh văn hóa Indonesia, nên ta trông thấy những tòa nhà kinh khiếp, với những mái nhà kiểu của Java, như ở Bangkok, nơi tất cả các bộ trông như chùa chiền. Tất nhiên, người ta cũng làm một điều y như vậy ở Âu Châu, nơi tất cả các ty cảnh sát trông như những lâu đài. Theo tôi, điều phải làm không là cóp nhặt quá khứ, mà là xây cất những tòa nhà thích ứng với những gì hiện có.

Sự tương tác với Bapak trong lúc xây S.Widjojo là điều thú vị đối với tôi. Điều chánh yếu tôi nhận thấy Bapak là một người rất thực tế. Khi tôi làm xong những phác họa đầu tiên, Bapak nhìn rồi nói: "Đẹp thật, cứ việc tiếp tục." Nhưng những vị có những họa đồ khác đã than phiền. Đó là những phác họa hình cong, vì biểu tượng của Subud hình cong, khiến phải có những hình dạng mang nghĩa biểu tượng, còn những gì của tôi thì chẳng có nghĩa gì hết.

Cuối cùng Bapak nói tất cả những chuyện như vậy là đủ rồi. Người nói rằng đã có họa đồ của tôi là quá đủ rồi. Có thể có hàng ngàn kế hoạch khác cũng tốt hay khá hơn, và cái của tôi thì rất thích hợp, nên chúng ta phải thực hiện ngay vì không còn nhiều thời gian nữa. Bapak có óc thực tế. Tại sao chúng ta cần phải có những biểu tượng lạnh cứng, trong khi mang trong tâm mình những biểu tượng sống động? Theo tôi, mục tiêu là sự giản dị. Có thể sau 100 năm, chúng ta thích những kiểu ba-rốc kỳ quái, hay của phái suy đồi trong thế kỉ 19. Nhưng hiện nay thì hãy như những người Hy Lạp cổ đại khi họ làm những cột nhà đầu tiên, những gì thật tươi mát, thật lạnh mạnh.

Có những vị đã chê bai việc dùng đá hoa cương trong phòng tắm, vì như vậy là quá sang trọng. Nhưng thực ra dùng đá hoa cương địa phương thì rẻ tiền hơn nhập cảng đá lát. Chúng tôi dùng vì rẻ tiền và thực dụng. Có cái vẻ sang trọng chỉ là phụ thuộc.

Chúng tôi đưa họa đồ cho Bapak coi về những điểm chủ yếu, và người tín nhiệm cho đội chúng tôi tiếp tục công việc. Họa đồ của chúng tôi nhằm tới mục tiêu đặc biệt là có thể bán tòa nhà cho những khách hàng muốn thuê. Lần duy nhất chúng tôi đến gặp Bapak là lúc mình thiếu tiền. Anh Sharif hỏi Bapak: "Bây giờ tiếp tục hay thôi làm?" Thì

như thế nào đó vấn đề được giải quyết. Tiền sẽ đến.

Bapak thường xuyên đến coi những gì đang xảy ra. Tôi còn nhớ là khi viên đá hoa cương đầu tiên được đặt, người chăm chú nhìn tất cả những đường nối găng xi-măng. Người thường xuyên lên các tầng nhà để coi đã làm tới đâu rồi, chứ không để chỉ thị, mà luôn là chú ý tới những gì đang làm.

Đó là nguồn động lực cho chúng tôi. Như việc có một người cha bên cạnh mình. Người không cần phải nói làm điều này điều nọ. Người chỉ việc ở bên cạnh những con cái mình để giúp sức cho tâm hồn họ. Chúng tôi cảm thấy Bapak chú ý tới những gì mình làm. Chúng tôi luôn cảm thấy sự hiện diện của Bapak, việc người tín nhiệm chúng tôi, còn tiền bạc là lĩnh vực lo toan của người.

Subud không là những phép màu, mà là những công việc hằng ngày. Cuộc hành trình tới phương Đông của tôi có đầy phép màu, nhưng cái phép màu đích thực là gắn bó với nó và tìm thấy cái thực tại trong những nỗ lực hằng ngày.

Một nơi chốn cho thiên thần

Leonard Lasale là một họa sĩ và nhà trang trí nội thất sinh sống ở Pháp. Lúc phỏng vấn anh là lúc anh ở Tunbridge Wells bên Anh.

Tôi sinh ra ở Pháp và trải qua thời niên thiếu đầu của mình tại Paris. Chúng tôi chuyển tới một hòn đảo miền Nam nước Pháp là nơi chúng tôi có một cuộc sống hết sức sơ khai với rê cây và trứng loài chim. Khi chiến tranh xảy ra, chúng tôi chuyển tới một ngôi làng ở lục địa là bộ chỉ huy của Kháng Chiến. Người Anh thường thả dù mang vũ khí nơi đó, còn chúng tôi thì phải ăn bom đạn của người Đức.

Chúng tôi đi khỏi nơi đó. Chúng tôi cứ đi và đi cho tới khi được một nông dân Pháp cho ở nhờ. Trong những năm 1950 tôi chuyển tới London học môn nghệ thuật. Sylvette, chị tôi, là một người mẫu mà Picasso vẽ với kiểu tóc đuôi ngựa, và cô được coi là người khởi xướng phong trào đua đòi theo kiểu tóc đó trên khắp thế giới.

Tôi mê một cô người mẫu tên là Melinda tại trường nghệ thuật. Cô đẹp nhưng cũng có một vẻ thanh tịnh khiến

thích thú. Tôi hỏi cô có tập một điều gì như thiền định không. Cô nói là chẳng có gì hết, nhưng vì tôi nài nỉ nên cô thú nhận mình theo lối tu Gurdjieff. Tôi đã từng biết về Gurdjieff.

Cô ở Coombe Springs, một trung tâm Gurdjieff gần London, và tôi thường tới đó thăm cô nhưng không thích cái không khí độc đoán trong quan hệ giữa sư phụ và đệ tử, giữa thủ lĩnh John Bennett và môn đồ ông. Tháng 5 1957 tôi có một căn phòng ở Hampstead. Lúc 3 giờ sáng một tiếng còi xe bên ngoài làm tôi thức dậy. Lambert Gibbs, một kiến trúc sư, và Melinda, vẫy tay gọi tôi từ một chiếc xe hở mui. "Có một chuyện ly kỳ đã xảy ra!" họ kêu gọi. Họ đi lên phòng tôi. Tôi thấy được cặp mắt sáng ngời của họ. Họ cho tôi hay về một nhân vật từ phương Đông. "Tất cả chúng tôi đã theo điều gọi là sự *giao tiếp*. Coombe Springs đã đảo lộn trật tự."

Tôi nghĩ là họ điên khùng. Tôi là một kẻ lý trí sáng suốt lớn lên giữa những nông dân đầu óc thực tế của Pháp. Tôi hoàn toàn không hứng thú. Tuy nhiên, tôi vẫn tới thăm Melinda và thấy thiên hạ đã thay đổi. Trước đây, họ luôn cho mình là đúng, và tìm cách kiểm soát những người khác. Nhưng bây giờ sau khi Bapak đến, mọi việc đã không còn đầu vào đó. Tình cảnh thật hỗn loạn, nhưng cũng có một tinh thương khác với cái hòa khí 'trí thức' trước kia.

Tôi trải qua một thời kì hỗn loạn. Tôi không biết mình là ai. Hình như tôi luôn là một người khác. Tôi khác với mỗi người mà mình gặp, khác với mỗi lúc. Tôi không còn biết những gì là đúng. Hai hay ba tháng sau, Pierre Eliot, một anh bạn Subud, nói: "Sao bạn không để cho được khai mở? Biết đâu chừng như vậy sẽ đỡ hơn?" Nên một tối nọ tôi thử xem sao vì hiếu kì. Tôi căng thẳng bước vào nơi để được khai mở. Trong một lúc lâu chẳng có gì xảy ra. Tôi ý thức được những người chung quanh mình đang cử động và ca hát. Chợt nhiên phía bên phải tai mình, tôi nghe thấy một tiếng ợ lớn. Thật ghê tởm! Họ được coi là tâm linh, nhưng một người trong họ lại ợ ngay bên tai tôi. Lại có thêm một cái ợ thứ hai. Nó dồi dào, thâm sâu, như của núi lửa. Nó hình như xuất phát từ chỗ thâm sâu của chính trái đất. Đó như tiếng núi lửa phun ra, nhưng khiến

cảm thấy thoải mái, nhẹ nhõm và an lành. Tôi mở mắt ra và thấy đó là Bapak. Ngay lúc đó tôi quy thuận, tôi buông thả. Tôi cảm thấy một sự chấn động chưa từng thấy trước kia cho tới nay. Tôi biết mình đã tìm thấy chính mình.

Sau vài tháng tập latihan, tôi bị đau ốm. Những bạn bè không trong Subud nói: "Thấy rõ rồi chứ. Đó là điều xảy ra do tập latihan." Một ngày cuối tuần nọ, tất cả những người thân của tôi đều không có mặt ở nhà. Tôi nằm trên giường cảm thấy càng lúc càng đau ốm thêm. Chợt nhiên tôi không còn thấy là chính mình nữa. Tôi thấy như không còn cái cơ thể của mình. Tôi đến nhìn mình trong gương kính, thì thấy mình đã trở thành một con quái vật, một con ma sói. Lông mày tôi rậm rạp, tóc tai tôi cứng đặc, da thịt tôi dạng bông. Môi tôi dày đặc, không muốn nói năng gì. Tôi kinh khiếp. Tôi kêu điện thoại cho Sjafrudin, một phụ tá Indonesia Bapak lưu lại khi về nước để hướng dẫn chúng tôi.

- Anh phải đến giúp tôi, tôi nói với Sjafrudin.
- Rất tiếc là lúc này không được.
- Anh phải tới, tôi tức tối, anh không thể khai mở cho người ta, rồi để mặc kệ họ!
- Như thế này, anh đi uống một ly trà thì sẽ bình tĩnh lại.

Tôi nhìn mình lại trong gương kính nhưng thấy vẫn còn y như trước. Dù sao tôi cũng làm cho mình một ly trà, mà không thấy có gì thay đổi.

Tôi cười hỏi Melinda và chúng tôi đến miền Nam nước Pháp sinh sống. Chúng tôi lập nên một nhóm Subud. Nơi đây có nhiều người tìm hiểu tâm linh, những kẻ theo thuyết thông linh, những kẻ nghiên cứu huyền bí học, nhiều người trong họ thật khá giả. Một đêm nọ, người ta mời tôi đến nói chuyện. Tôi nghĩ là mình không biết có thể và phải nói những gì đây cho họ. Tôi nói với họ: "Tất cả những gì tôi có thể cho quý vị hay là từ kinh nghiệm bản thân." Tôi nói trong 3 tiếng đồng hồ, và mọi người có vẻ hài lòng.

Chúng tôi chuyển tới Carcassonne và được những người muốn tìm hiểu Subud mời tới nói chuyện. Trong số họ có một vị giáo sư nghiên cứu phái Cathars, một giáo phái thời Trung Cổ đã bị giáo hội Công giáo tàn nhẫn đàn áp. Phái đó có một điệu họ gọi là "tự do ca hát." Thiên hạ thấy có một liên hệ giữa phái Cathars và Subud.

Tôi còn được một nhóm tài xế xe tải mời tới nói chuyện. Chúng tôi phải đi tới đi lui giữa những người đó, và không dễ gì tới đúng lúc. Chúng tôi chuyển tới Paris. Một hôm nọ, một anh bạn yêu cầu tôi cùng làm thông ngôn với anh. Tôi không có khả năng chuyên môn, nhưng bất cứ lúc nào cần thiết tôi có thể làm. Tôi bỏ học lúc 13 tuổi vì chứng khó đọc và khó viết. Nếu đó là định mệnh, tôi phải là một nhân công, nhưng như thế nào đó trong đời mình tôi đã làm những công việc khác nhau. Tôi bỏ vẽ tranh vì thấy làm điều đó là ích kỉ, nên làm nghề buôn bán tại chợ trời của Paris. Tôi nhận thấy công việc đó thích hợp với mình, tuy không hiểu biết bất cứ gì. Tất cả tài năng của tôi đều do tiếp nhận.

Có lần có một kẻ đến gặp tôi với một cái đĩa. "Ông nghĩ thế nào về cái này?" y hỏi. Trong đầu tôi chợt có một cái tên mà tôi chưa từng nghe thấy. "Ông khùng rồi," y nói. "Không thể là cái đó." Thôi rồi, tôi nghĩ, mình đã làm trò cười cho thiên hạ. Nhưng ngày hôm sau y trở lại nói: "Làm sao ông đã biết được?"

Y đem cái đĩa đó tới một bảo tàng viện. Cái tên mà tôi nói là một đồ gốm ở Marseilles. Y cho tôi hay mọi chuyện về nó. Bằng cách đó tôi có tiếng tăm là một chuyên gia. Thiên hạ đến gặp tôi và thường cho tôi hay về những điều mình cần biết, nên nhờ đó tôi thành một chuyên gia thạo nghề. Tôi có thể phân biệt một nguyên bản với một bản sao, bằng cách nhìn những nét vẽ bằng bút lông. Một nét vẽ của nguyên bản có cái vẻ tự tại, nhưng của một bản sao thì không thanh thoát và gượng gạo. Tôi trở thành một kẻ có uy tín, đặc biệt về những gì của thế kỉ 17.

Chúng tôi trở về Anh là nơi tôi quen thuộc vì tới đó buôn bán. Tôi tới đó với 30 bảng Anh trong túi, và có thể mua vài món đồ để phục chế. Tôi có một vài dụng cụ và ngồi làm việc trên mặt đất. Tôi học cách làm các đồ đạc, làm

như thế nào từ bên trong ra bên ngoài. Chúng tôi sống còn nhờ tiền trợ cấp xã hội qua mùa đông đầu tiên. Chúng tôi phải ở Wales là nơi duy nhất đủ với tài chánh mình. Đó là một mùa Đông gay gắt, và tôi cũng nhận thức được sự hiện diện của những gì là siêu nhiên ở Wales. Chúng tôi cần phải kiếm một nơi khác.

Một hôm nọ, tôi đến nông trại của một bà sựu tầm đồ cổ. Chồng bà nói: "Chúng tôi có một vại món cổ nơi gác mái kho thóc. Ông lên đó xem sao?" "Ông thật ngớ ngẩn," vợ ông nói. "Ông Lassale không thích nhìn đồng rác đó. Ông ấy chỉ mua những thứ có giá trị." Không hiểu sao bà ta lại nghĩ tôi chỉ mua những thứ có giá trị. Tuy nhiên, ông chồng bà nài nỉ tới nỗi tôi cũng muốn tới đó xem sao. Đó là một kho thóc cũ xưa, sàn nhà gác mái đã sụp đổ khiến tôi phải thận trọng đi dọc theo các xà. Chợt nhiên, trong một luồng ánh sáng, tôi trông thấy một thiên thần. Trông thật đẹp. Ban đầu, tôi nghĩ là một bức tranh có hình ảnh thiên thần, nhưng rồi nhận thấy đó là một đồ khắc chạm. Tôi đến cầm lấy nó, thì đó là một vật rắn, của Pháp thuộc thế kỉ 14.

Tôi trở về nơi trước đó cho họ hay cái mình đã tìm thấy. Ông chồng nhớ lại là bức tranh đó là từ một lâu đài mình thường tới chơi khi còn bé. Có hai bức tranh như vậy khi lâu đài được bán đi, và khi những đồ trong đó được bán đấu giá, ông đã mua được một bức tranh.

Tôi đưa cho họ 80 bảng Anh, và như vậy là sòng phẳng, mang bức tranh đi, lái xe tới thẳng con đường Portobello Road là nơi tôi bán được với giá 150 Anh bảng. Khi tôi về nhà ở Wales, vợ con tôi đang trong phòng khách ngồi trên một đi-văng. Họ đã thức suốt đêm, núp mình vào nhau vì cảm thấy một sự hiện diện ma quái. Đây đúng là lúc phải tới ở một nơi khác. Với số tiền bán bức tranh, chúng tôi có thể đi khỏi Wales để tới London, nơi Bapak đang tới thăm. Sau đó, chúng tôi chuyển tới Tunbridge Wells là nơi sinh sống cho tới nay.

Có lần tôi khai mở cho một hồn ma. Lambert Gibbs, một kiến trúc sư Subud, tới ở một căn nhà có mùi rất hôi thối. Vợ chồng anh lùng kiếm khắp nhà, nhưng không tìm được mùi đó là từ đâu. Khi đi xuống tầng hầm thì càng hôi thối

hơn. Thế rồi mùi đó chuyển tới phòng ngủ. Lambert yêu cầu tôi tới tập latihan, để coi xem như thế nào đó có thể khai trừ mùi đó không. "Maria và tôi cảm thấy như có kẻ nhìn mình trên giường," anh nói.

Chúng tôi tập latihan thì tôi thấy một người đàn ông ăn mặc đồ thời nữ hoàng Victoria đang ngồi trên một chiếc xe lăn. Y trông dơ dáy, râu không cạo. Y móm và sặc mùi hôi. Y tàn tật, đầu y một bên thì bị lún xuống.

- Ông đang làm gì ở đây? Tôi hỏi

- Tôi đến để được khai mở. Tôi muốn có latihan.

Tôi nhận thức được mùi hôi đó là để cho y liên lạc với chúng tôi.

- Ông thực sự muốn được khai mở?

- Muốn chứ.

- Tôi không biết như thế nào có thể được.

Điều này thật hết sức khôi hài nên tôi rống lên cười. Lambert cũng bắt đầu cười.

- Lambert, anh có biết tại sao tôi cười?

- Không. Cho tôi hay đi.

- Anh sẽ nghĩ là tôi điên rồi.

- Anh cứ cho tôi hay đi nào.

- Chúng ta đang làm công việc khai mở.

- Anh muốn nói là trong lúc này?

- Đúng vậy, cho một ông lão.

Tôi nói những lời của sự khai mở:

- Chúng tôi nơi đây là chứng nhân cho ước muốn phụng thờ Thượng Đế Duy Nhất của ông. Tịnh tâm.

Chúng tôi làm latihan. Điều đó khiến cảm thấy như một sự khai mở. Ông lão đó liền cười rồi biến mất. Tôi nói:

"Lambert, tôi thấy lão đã ra đi." Lambert cũng nghĩ như vậy. Mùi hôi không còn nữa. Là một người rất thực tế, nên Maria hỏi: "Thế nào, ra sao?" Tôi nói: "Bây giờ thì xong xuôi. Ông lão đó đã đợi trong 100 năm để được khai mở." Chị không tin, nhưng mùi hôi không bao giờ còn ngửi thấy.

Tại Tunbridge Wells tôi mua được một căn nhà và một tiệm đồ cổ. Tôi cảm thấy hội họa là tài năng mình, và giữa những năm 1960 thấy mình có thể vẽ tranh trở lại, vì lòng tham vọng và tính ích kỉ của mình đã bớt đi. Nhưng Bapak nói là trong khi có thể vẽ tranh trở lại, tôi cũng nên tiếp tục buôn đồ cổ. Tôi phải đặt đúng chỗ những ưu tiên của mình vì phải nuôi ăn cho gia đình.

Một vài năm trước đây, tôi tổ chức một cuộc triển lãm về nội thất thời nữ hoàng Elisabeth. Tôi dự định trình bày các vấn đề, nhưng hai tuần trước triển lãm tôi vẫn chưa kiếm được một tấm nào. Một con buôn đề nghị tôi nên vẽ một bức bích họa. Tôi tìm thấy một nông trại thế kỉ 16, nơi vẫn còn một bức tranh trên tường. Bức tranh không là của một nghệ sĩ tài ba nhưng trông thật duyên dáng. Tôi tập lối vẽ của thời đó. Bàn tay tôi cử động khác hẳn, và kết quả là sự đơn giản và điều hóa. Tranh đó là một cây kim ngân với những quả lê. Tôi học lối vẽ thời đó bằng cách dùng keo sơn.

Thiên hạ đến xem và họ bắt đầu đặt mua các bích họa. Có nhiều điều tôi không biết cách làm. Chẳng hạn, tôi thiết kế một cầu thang làm rất phức tạp, nhưng với latihan thì nhận thấy có thể làm. Bút vẽ của tôi có vẻ như biết những gì phải làm. Như tôi đã nói, với học vấn mình thì tôi đã là một công nhân làm việc ngoài đường, nhưng nhờ latihan tôi có thể làm được nhiều điều.

Khi thiên hạ yêu cầu tôi vẽ cho họ, tôi tự hỏi họ thực sự muốn gì. Nhà họ là như thế. Họ là những người như thế nào? Họ ăn uống, cảm nhận, đi đứng đây đó ra sao? Thế rồi, tôi đi vào nội tâm mình, tạo nên một khoảng trống, và thấy bức tranh trên tường. Tôi đợi chờ cho tới khi thấy được bức tranh thích hợp cho họ.

Tôi vẽ một bích họa trong một căn nhà thế kỉ 15 của một phụ nữ là chuyên gia tâm thần học. Tôi thấy được sở thích

của bà. Tôi hỏi bà thích nhất loại thú vật nào. "Con kỳ lân," bà nói. Tôi hỏi bà có biết con kỳ lân có nghĩa gì hay không. "Không, tôi không chắc mình hiểu được," bà đáp. Tôi vẽ một con thú đầy nam tính, không là một con ngựa, nhưng như một con dê. Nó có sự thông minh và tế nhị của một con dê. Tôi thấy được vẽ như vậy trên những tấm thảm thế kỉ 15 ở Paris: một phụ nữ vuốt ve đầu và sừng một con kỳ lân trong lòng mình.

Khi tôi cho bà hay điều đó, bà hơi lúng túng. Tôi biết chồng bà thích săn bắn, nên tôi vẽ những con chó của ông và một con chồn giữa những cành hoa, theo lối thời nữ hoàng Elisabeth. Có lần có hai người Mỹ đến. Họ muốn hai bức tranh lớn. Mỗi bức hai thước vuông. Một bức tranh thì họ muốn có những con thú rừng theo kiểu của những thảm. Bức tranh còn lại họ cho tôi muốn vẽ gì thì vẽ, và sau đó trở về Mỹ.

Tôi nhìn khung vẽ trong một lúc lâu. Chợt nhiên tôi cảm thấy sự hiện diện của một con thú. Tôi cảm thấy là một con gấu rừng, tiếp theo là những con chó, những cành hoa và một con chim Mỹ mỏ dài. Tôi vẽ tất cả những cái đó, với con gấu ngồi giữa những cành hoa theo dõi một con ruồi đang vo ve quanh đầu nó.

Khi bà người Mỹ trở lại lấy tranh và nhìn thấy tranh, bà la lên. Tôi hỏi có chuyện gì không, thì bà nói: "Chúa ơi! Làm sao ông biết được! Đó là con gấu của tôi. Tôi đã từng thấy con gấu đó, và ông đã vẽ nó. Làm sao ông biết được?" "Tôi cảm thấy cần phải vẽ nó." Chính tôi cũng bàng hoàng.

Mắt tôi đăm lệt. Tôi kinh ngạc. Thiên hạ hỏi tôi: "Tại sao ông vẽ một con gấu?" Tất cả những gì tôi chỉ có thể nói: "Tôi nghĩ là bà ta thích gấu." Chồng bà cũng kinh ngạc và vui mừng; họ trả nhiều hơn số tiền tôi yêu cầu.

Có vài người Na Uy yêu cầu tôi thiết kế nội thất căn hộ họ. Tôi đến Oslo trong một mùa đông lạnh buốt. Căn hộ xây toàn bằng gạch. Tôi ngồi đó, nhìn thấy tất cả và vẽ trong cuốn sổ của mình. Tôi thiết kế một nơi chốn cho các thiên thần. Tôi cũng cảm thấy như vậy ở Anugraha.

Sau này, ông chồng, ông không là hội viên Subud, nói

rằng căn hộ khiến ông có một cảm giác thần tiên. Ông là một người không bao giờ tin có thiên thần. Tất cả những điều đó là do tôi cảm nhận được những gì họ cần để thấy đó là một nơi chốn thánh thiện. Như thế nào một điều như vậy có thể xảy ra? Chỉ khi tôi thật yên tĩnh đợi chờ Thượng Đế hướng dẫn mình. Tôi chợt thấy mình phác họa một cầu thang tuyệt diệu, điều khiến mình ngạc nhiên. Lúc xây cất, kiến trúc sư gọi điện thoại cho hay về những khó khăn vấp phải. Chẳng hạn như việc tôi thiết kế một lò sưởi.

Liên lạc với tôi, kiến trúc sư nói: "Chúng tôi không thể làm một nơi sưởi ấm tại đó. Hội đồng thành phố sẽ không cho phép làm." Tôi thường tìm cách thiết kế lại, nhưng mỗi lần tôi lại thiết kế y như trước. Tôi thiết kế làm cho nó lòi ra ngoài phòng, nơi có thể ngồi chung quanh. Tôi kêu điện thoại cho kiến trúc sư: "Tôi tìm cách thiết kế lại, nhưng không thể được. Tôi biết ông sẽ giận, nhưng ông cứ việc tới hội đồng thành phố một lần nữa." Quả thực ông đã giận. "Làm ơn tới đó, chỉ một lần nữa thôi," tôi cầu xin. Một tuần sau, ông kêu điện thoại: "Ông Lassale, ông thật khô hài, chúng tôi được phép xây lò sưởi."

Một điều như vậy lại xảy ra. Tôi không biết chút gì về cách xây cất một sàn nhà. Kiến trúc sư nói: "Ông Lassalle, người ta thấy rõ ông không là kiến trúc sư, nên không hiểu những điều như vậy. Làm sao chúng tôi có thể xây cất những gì ông vẽ?" Tôi nói: "Làm thế này hay thế nọ không được hay sao?" Cuối cùng ông chấp thuận: "Được, có lẽ sẽ được." Nên đó là một nơi chốn cho các thiên thần, vì họ hướng dẫn tôi làm hết mọi chuyện. Do đó mà tôi hy vọng cho tương lai. Chúng ta có thể xây cất những nơi chốn thích nghi cho các thiên thần thì họ sẽ đến.

Một cặp vợ chồng nọ muốn tôi vẽ một bức tranh cho căn hộ họ. Bà vợ là một hội viên Subud rất nhạy cảm, cảm được những gì người khác cảm. Đồng thời chị cũng biết rõ những gì mình thích và không thích. Chị không chịu lấy những bức tranh mà chồng mình đem về. Tôi nghĩ tất cả những gì mình làm không nhất thiết là do trí óc. Công việc của tôi là tổ chức các bút lông và màu sắc, chăm chú tới kĩ thuật, chứ không tới nội dung.

Tôi thử nhiều giải pháp, nhưng tất cả đều do trí tưởng tượng. Sáu hay bảy tháng trôi qua. Một hôm nọ trong latihan, tôi cảm thấy mình nghĩ tới cặp vợ chồng đó. Điều đó trở thành một sự hiểu biết về những gì giữa họ. Tôi tưởng tượng có một không gian trống vắng trong đầu óc mình, như một khung vẽ màu trắng. Cái đó bắt đầu chuyển động như một bức tranh 3 chiều. Tôi trông thấy những cành hoa mùa Xuân trong một lọ cổ xưa. Tôi đứng bên trong nhìn qua một cửa sổ rất lớn, và bên trên hẳn những cánh đồng, ngọn núi, vịnh hẹp và đại dương. Có những thân cây và con nai đang ngậm cỏ, một con chim sắp đậu trên ngưỡng cửa sổ. Có một cái giường với khăn phủ giường thêu bằng kim móc.

Tôi bắt đầu vẽ. Phải mất nhiều ngày. Tôi đem vào một vài cành hoa mua từ một tiệm bán hoa, để tạo nên một cảm giác tươi đẹp, thanh thoát. Hoa tượng trưng cho gia cảnh: một bó hoa cho thấy sinh khí và vẻ sắc của quan hệ vợ chồng. Có những con côn trùng trên cành hoa, những con bọ rùa. Có những luồng không khí mát thổi vào từ cửa sổ mở toang. Chim bồ câu tượng trưng cho những cảm giác trong lành thổi vào nhà. Có thể nói đó là Thánh Linh, nhưng không hẳn là vậy: đúng ra thì như những tình cảm trong lành, những cảm xúc tốt lành. Cái chăn tượng trưng cho hòa khí trên giường. Vợ chồng thường bỏ nhiều thời gian nằm trên giường, có lẽ là một phần ba đời họ. Đó là một địa điểm hệ trọng, nhưng phần đông thiên hạ lại coi đó là chuyện thường, và nên là nơi chốn của sự trong lành và phụng thờ.

Nhìn xuống phía dưới ta sẽ thấy một những con nai ngậm cỏ dưới những cây đang đâm chồi nở hoa trong mùa Xuân, và đó là điều tượng trưng cho gia đình, con cái. Có một con đực và một con cái, cùng với những con còn bé. Đại dương tượng trưng cho cảm xúc, núi non cho dự vọng, nhưng tất cả đều hài hòa.

Tôi mong cho bức tranh mình sẽ tạo nên tình thương. Tất nhiên có thể chiêm ngưỡng nó ở những mức độ khác nhau. Đối với vài người, đó chỉ là một bức tranh để trang hoàng. Có lẽ họ sẽ cảm thấy được thanh bình. Có lẽ cũng không thấy gì. Có thể thương thức ở bất cứ mức độ nào

thích hợp.

Tôi đã trông thấy những hạng thiên thần khác nhau. Họ có vẻ khác nhau, tùy theo trạng thái mình. Tôi chưa từng thấy họ có màu sắc. Luôn luôn là một ánh sáng xanh xanh và mặc áo choàng. Tôi thấy họ với cặp mắt nội tâm của tri thức. Tôi nhận thức được sự hiện diện của họ trong tâm hồn mình.

Tất cả các thiên thần tôi trông thấy đều rất cao lớn. Cao lớn hơn con người. Có lần tôi trông thấy một thiên thần bằng vàng, ăn mặc một áo giáp thời Phục Hưng. Là một tổng thiên thần? Tôi không biết. Lambert Gibbs cũng chứng kiến điều đó. Cái muốn mô tả một thiên thần là nafsu mình, dục vọng mình, và ta chỉ có thể trông thấy một thiên thần khi mất nafsu, như thế thì tri giác mình sẽ khác hẳn, vì khó có thể diễn tả bằng ngôn từ.

Đôi khi tôi nghĩ mình có thể sơn vẽ họ, nhưng lại nghĩ như vậy thì không được, bởi mình chỉ có thể làm nếu được hướng dẫn. Điều này là không thích đáng, nếu vẽ chỉ để cho thiên hạ coi trông họ ra sao. Có nguy cơ là mình có thể xen vào sự tiếp nhận của ai đó, bởi mỗi thiên thần đều hiện ra theo những cách khác nhau cho những người khác nhau. Có lẽ vì vậy mà người Hồi giáo không diễn tả họ trong nghệ thuật của mình.

Không có khuôn mẫu nào là tiêu chuẩn. Điều đó không bao giờ là một chứng nghiệm ấn tượng. Luôn luôn thật nghiêm trang, nhưng một cách thanh đẹp, với một cảm giác được an ủi. Nếu trong sạch phụng thờ Thượng Đế, ta có thể xin các thiên thần giúp mình. Tôi thấy mình làm điều đó, và cảm thấy họ có đó để giúp đỡ loài người. Tôi thấy mình ca hát, ca hát làm cho họ tới giúp.

Vừa rồi tôi có một chứng nghiệm rõ rệt với các thiên thần, và đó cũng là điều được chứng kiến bởi nhiều người. Điều đó xảy ra tại Anugraha, một trung tâm hội nghị mà Subud xây cất gần Windsor. Tôi từng là một giám đốc của Anugraha trong một thời gian. Anugraha là điều gì thánh thiện và thích đáng, nhưng cũng có một khía cạnh trong đó những tham vọng và cảm xúc không tốt lành của thiên hạ xen vào và được khuếch đại. Thêm vào đó là sự căng

thẳng thường trực vì tình hình tài chánh khó gánh chịu do nợ nần, trong tình trạng sắp bị phá sản.

Một cuối tuần nọ, chúng tôi có một buổi họp với nhiều hội viên ở Anh tới dự. Lúc sáng Thứ Bảy, tôi cảm thấy mình như một võ sĩ quyền Anh bị bầm tím và đo ván, một kẻ đã cho tất cả mà chẳng còn gì để cho nữa. Tôi linh thị có bàn tay của Thượng Đế đặt lên mình, và đó như là một nơi trú ẩn, là sự an ủi và chữa trị. Buổi chiều chúng tôi có latihan. Tôi vào phòng tập và ngồi xuống. Tôi là người đầu tiên vào. Tôi nhìn lên trên thấy trần nhà đã biến mất. Có ánh sáng xuyên qua đó và những thiên thần đứng lưng dựa vào mái vòm. Họ cao lớn tới nỗi phải cong lưng.

Họ dùng tay xua đuổi đám mây gồm những con quái vật nhỏ bé màu đen. Mỗi lần có ai đó vào phòng thì cũng có những con quái vật bay lượn trên trần nhà, rồi gia nhập nhóm những con đằng sau các thiên thần. Các thiên thần hiện diện để giúp cho tạo nên một không gian trong sạch, bằng cách ngăn chặn nafsu.

Tôi cầu nguyện cho mỗi người vào phòng tập là họ sẽ quy thuận và được thanh tịnh. Tôi cảm thấy có cái gì đó lớn lao đang tích tụ, nhưng nếu còn ai đó bám vào những ý nghĩ của mình thì điều đó sẽ không xảy ra. Có một vị tới rất trễ, và những nafsu của vị đó bay lượn chung quanh, trước khi gia nhập những cái đằng sau các thiên thần.

Tiếp theo là một chấn động mãnh liệt và thâm sâu. Mọi người có vẻ như được kết hợp thành một bánh lái mà trục của nó đâm xuyên qua tòa nhà. Trong lúc latihan, tôi thấy những ngọn lửa nhỏ bé màu xanh dương chạy khắp thân thể mình, và cũng có những ngọn lửa chung quanh anh Muchtar Martens, một hội viên Bồ Đào Nha. Sau đó là một tình trạng im lặng thâm sâu kéo dài 10 phút. Chúng tôi làm vài trắc nghiệm. Một câu hỏi được trắc nghiệm, và từ đó là một câu khác. Không ai tranh cãi, hay thậm chí nghĩ về những gì muốn trắc nghiệm. Tất cả chỉ việc tự động tuôn ra. Thật là một chứng nghiệm sâu sắc.

Vừa rồi, một trại hè cho giới trẻ Subud được tổ chức ở Italy. Họ quyết định diễn kịch, và có một tuần để thực hiện. Họ không có ý định diễn kịch Shakespeare, hay bất

cứ gì như vậy, mà chỉ tức khắc nghĩ tới tuồng kịch của mình. Có ai đó chợt nói: "Như thế này, có một cô gái, một cô gái nông dân, và một hôm nọ có một chàng hiệp sĩ đi ngang qua, và chàng yêu nàng. Chàng xin cưới nàng, nàng chịu cưới, và mọi người đều hạnh phúc. Họ sắp xếp sẽ có một lễ cưới lớn, nhưng trên đường đi cô dâu giẫm lên một con rắn, và bị gãy răng vì đụng vào một cục đá. Mọi người đều sững sốt. Làm sao có thể có lễ cưới nếu cô dâu thiếu răng hàm? Không thể có chuyện đó..."

Nhưng tới đó vẫn chưa hết chuyện, vì còn có một con kỳ lân và nhiều điều thần tiên khác. Họ diễn màn kịch đó, dân địa phương tới xem và lấy làm thích thú. Những người dân đó nói: "Làm sao các em biết được truyện này?" Đó là một truyện dân gian, và nhiều tình tiết khác trong kịch cũng đúng hợp với truyện.

Giới trẻ coi latihan là cái tự nhiên có, được trực nhận. Họ cởi mở, linh động. Thường thì hình như khi họ quyết định đi theo một con đường hoạt động nào đó, cánh cửa đã mở sẵn cho họ. Rolf là cậu con trai 19 tuổi của Lambert, và khi trông thấy những hình chụp về thời trang ở Vogue, cậu quyết định mình sẽ thành một nhiếp ảnh gia về thời trang. Cậu đến Paris không một đồng xu nào trong túi.

Cậu đến hết đại lý này tới đại lý khác với một an-bom gồm hình chụp tài tử những chiếc xe, những cánh đồng đầy hoa và vv...Nơi cuối cùng cậu đến, người ta nói: "Chúng tôi thích công trình của anh, nhưng mỗi ngày có 20 người tới gõ cửa đưa cho chúng tôi coi một công trình y như vậy. Công trình của anh thì có gì khác? Nhưng chúng tôi cho anh một cơ hội, và điều này thì tùy thuộc anh." Người ta lập nên một trường quay với những mô hình để cho cậu chụp thử. Trong một thời gian ngắn cậu chụp vài tấm hình cho những sách báo ở Vogue, và làm việc chung với những hội viên Subud sinh sống gần Paris bằng cách buôn bán trong những buổi hòa nhạc điệu nhảy rốc.

Massy, con trai 17 tuổi của tôi tới Paris thăm Rolf. Một hôm nọ, trong lúc tới đại lý, Rolf nói với Massy: "Sao bạn không đi cùng mình?" Tại đại lý người ta chú ý tới dáng hình của Massy và cho cậu cơ hội thử việc. Lần đầu thì không mấy tốt đẹp, người ta cho cậu một cơ hội thứ hai,

và lần này thì mọi người phải bái phục. Kể từ đó, cậu làm việc ở Paris, London và Nhật Bản.

Tất cả những điều đó là một dấu hiệu đáng mừng, một bằng chứng cho latihan. Bởi con cái chúng ta đều cởi mở, linh động, và latihan có thể hoạt động qua chúng và chung quanh chúng.

Làm việc cho Bapak

Sharif Horthy đã có mặt ở Coombe Springs ngay sau khi Subud tới Tây phương. Anh đến Wisma Subud ở, một khu vực của Subud tại Cilandak, một ngoại ô của Jakarta, nơi anh làm thư kí và thông ngôn cho Bapak. Anh cũng dính líu tới một số những dự án chánh yếu của Subud.

Khi 13 tuổi, tôi rất thích những giáo lý của Gurdjieff. Và khi 17 tuổi, tôi tình cờ đọc một bài báo trong tờ Paris Match về sự lành bệnh của Eva Bartok, nhờ 'Pak Subuh' tại một nơi tên là 'Coombe Springs.' Điều làm cho tôi ngạc nhiên là hậu cảnh của một trong những tấm hình có một biểu tượng Gurdjieff. Tôi được khai mở tháng 4 1959. Sau khi xong trung học 9 tháng sau đó, tôi đến Coombe Springs ở. Subud bành trướng rất nhanh, và đã có những đại biểu của 40 quốc gia.

Cái thời kì đó ở Coombe Springs thật tuyệt vời. Ta có thể cảm thấy quyền lực của latihan chạy qua mọi nơi như một luồng điện. Đó là cái gì có thể cảm thấy đến từ con đường từ Kingston. Tôi đã hỏi chuyện một số người có mặt tại đó lúc đó, và họ cũng nhớ lại chuyện đó. Như vậy thì đó không là điều tôi tưởng tượng. Tôi học vật lí tại Oxford nhưng thấy môn đó thật đáng chán. Tôi viết thư hỏi Bapak mình nên làm gì. Người nói tôi nên là kĩ sư kiến trúc. Ở Anh không có điều gì như kĩ sư kiến trúc, nên tôi học kĩ sư công chánh.

Lần đầu tôi tới Indonesia là trong năm 1966, và những gì xảy ra thật ngoài sức tưởng tượng. Tôi cảm thấy như trên thiên đàng. Thật kỳ ngộ, tuy những chuyện ngoài đời không được giải quyết sau đảo chánh năm 1965, nhưng tôi về nhà thành một người hoàn toàn khác biệt. Năm 1967 Bapak hỏi tôi có muốn tới Indonesia sinh sống không. Người nói là có một chính sách mới khuyến khích đầu tư của nước ngoài. Bapak khuyên một nhóm Subud gồm các kĩ sư và kiến trúc sư đã có mặt ở Indonesia nên lập thành một văn phòng cố vấn, và đề nghị tôi nên làm việc chung với họ. Nhóm đó sau này thành nhóm cố vấn thiết kế IDC (International Design Consultants)

Căn nhà chúng tôi ở Cilandak thật nhỏ bé, chỉ một phòng khách và hai phòng ngủ. Phải đi qua phòng ngủ này để tới phòng ngủ khác. Chỉ có điện từ 6 giờ chiều tới 10 giờ tối, Thành thạo hay hầu hết những ngày, trong những giờ giấc đó, là cố nước, có thể gọi là vậy. Nấu ăn thì dùng một lò bếp dầu hỏa. Phải mất một năm IDC mới làm việc có kết quả, nhưng rồi thì tôi cũng gia nhập. Ban đầu chúng tôi chỉ có 4 mạng, trong một văn phòng nhỏ bé cạnh phòng tập latihan, với một nhân viên đánh máy không biết cách đánh máy. Lợi thế chúng tôi là một thị trường thích hợp, vì có nhiều nhà đầu tư nước ngoài, nhưng lại không có nhiều dịch vụ kiến trúc và xây cất. Chúng tôi nhận được nhiều hợp đồng, và công ty mau chóng lớn mạnh.

Thế rồi tôi bắt đầu làm thông ngôn cho Bapak. Hồi đó Bapak thường xuống phòng tập mỗi tuần hai lần, đi dạo quanh đó, rồi ngồi bên ngoài nói chuyện cho tới 2 hay 3 giờ sáng. Điều đó xảy ra một cách hoàn toàn không trang trọng, người nói về những vấn đề tâm linh, chính trị, có thể là bất cứ gì từ canh tác cho tới tình hình thế giới. Có nhiều người nước ngoài phải dựa vào những bạn bè Indonesia thì thăm ngăn ngủ dịch cho họ nghe. Một hôm nọ trong năm 1969, lúc Ramadhan khi Bapak thường đi dạo mỗi đêm cho tới lúc ăn uống trước lúc bình minh, Bapak nói: "Sharif, tại sao bạn không thông ngôn những gì Bapak nói."

Tôi hết hoảng. Tôi chỉ hiểu được một nửa của những gì Bapak nói. Nhưng Bapak nói với tôi: "Đừng lo ngại, chỉ

việc thông ngôn những gì bạn nhớ được. Nhưng đừng thông ngôn những gì mà bạn không nhớ. Đó là điều duy nhất mà Bapak không muốn bạn làm." Đó là điều khiến tôi hơi tự tin, nên đôi khi tôi dịch, đôi khi tôi nói mình không nhớ. Điều đó xảy ra một cách nửa chừng suốt lúc Ramadhan. Tôi làm như vậy trong hai tuần cho tới lúc cuối Ramadhan. Tôi chỉ hiểu được khoảng 95% của những gì Bapak nói. Như vậy, tôi thành thông ngôn bất chính thức của Bapak. Trong những dịp khác, Usman, một hội viên Indonesia, vẫn còn thông ngôn, và đôi khi là tôi, nên tôi có thêm kinh nghiệm mà không bị thúc bách. Như thế, trước kia thiên hạ không được thông ngôn, nên thà thông ngôn nửa chừng còn hơn không thông ngôn gì hết. Người ta cảm kích tôi về điều đó.

Nhưng khi tự tin, ta lại quá tự tin, và đó là điều xảy ra cho tôi. Có một buổi họp phụ tá trong đó Bapak nói chuyện không ngừng trong hai tiếng đồng hồ, lúc cuối người nói: "Xin bạn thông dịch." Tôi có thể thông dịch tất cả. Thật là một trải nghiệm lạ lùng, vì tôi có thể cảm thấy mọi điều trong tâm hồn mình, như một cuộn băng đang quay tới, và miễn là tôi theo dõi nó cho tới cùng, nó sẽ tiếp tục quay.

Nên tôi nghĩ, chà, mình tài ba thật, và tôi nghĩ không biết lúc nào Bapak sẽ yêu cầu mình thông dịch toàn bộ một buổi nói chuyện. Đương nhiên không bao lâu sau đó, người yêu cầu tôi thông ngôn một buổi nói chuyện. Đó là lúc có một đám cưới, người nói: "Bạn có thể thông dịch." Tôi nói: "Ồ, đương nhiên là được." Bapak bắt đầu nói, và tất cả những gì tôi nghe được là "thế này, thế nọ." Tôi không hiểu một chữ nào của những gì Bapak nói, nên yêu cầu người nói lại một lần nữa. Lần thứ hai, tôi chỉ lơ mơ hiểu được. Điều đó như tìm cách bắt một con cá luôn tuột khỏi bàn tay mình. Thật khủng khiếp. Tôi toát mồ hôi. Bất chấp sự khốn khổ của tôi, Bapak cứ tiếp tục nói, như không có gì xảy ra, nhưng may mắn là chỉ có những đoạn thật ngắn.

Tôi lúng túng nên hỏi Bapak những gì đã xảy ra. Người nói: "Ồ, không có gì hết - chỉ là bạn vừa bị ảnh hưởng bởi nafsu, bởi dục vọng." Điều đó cho tôi một bài học. Tôi

nhận thức được thông dịch cho Bapak không là một quá trình thông thường, mà là một đặc ân không thể coi là tự nhiên có. Tôi cũng nhận thấy sự khác biệt duy nhất giữa lúc đám cưới và lúc thông dịch trước kia là có sự hiện diện của phụ nữ. Dần dần, tôi càng lúc càng thông dịch nhiều hơn. Trong chuyến đi thế giới trong năm 1971, tại Johannesburg, tôi thay thế cho Usman, để đích thực thông dịch cho những buổi nói chuyện.

Tới Hội Nghị năm 1971, tôi bắt đầu làm tất cả những công việc về thông dịch. Tôi nhận thức được đó không là một năng khiếu thông thường, mà thực ra điều mình đang làm là bất khả thi, và theo tôi đoán, tâm trí cũng không biết nó từ đâu tới nên hết hoảng. Thật không dễ gì. Trong một chuyến đi thế giới với Bapak trong năm 1972, tôi bắt đầu làm những công việc thư kí của Bapak. Tôi giải quyết tất cả những thư tử trong chuyến đi đó, và còn làm điều đó khi về nhà. Đôi khi tôi thông dịch một lá thư cho Bapak, và người đọc cho tôi thư hồi đáp. Những lúc khác thì người nói chuyện ngắt ngứ, rồi để cho tôi trích ra từ đó cách hồi đáp cho thư.

Khoảng một năm trước Hội Nghị, Bapak nói với tôi là chúng ta sẽ xây cất một nơi chốn cho latihan, một nơi đủ sức chứa 1600 người cho những buổi hội họp. Hiển nhiên người đã bàn về điều đó với những đồng nghiệp của tôi trong IDC. Người nói với tôi: "Bapak muốn cho cái đó được xây cất." Tôi phải giải thích cho Bapak hay mình là một kĩ sư công chánh, chứ không là kiến trúc sư, nhưng người lại ngơ ngác nhìn tôi, như tôi đang bị chứng nhức đầu. Người yêu cầu tôi thiết kế một căn nhà cho Ibu trên núi, và tôi cũng đã thiết kế một nhà tiếp khách tồi tệ may mắn được phá sập, để biến thành một phòng tập latihan.

Tôi phải đọc nhiều sách vở: như bạn thấy, tôi không biết chút gì về những cánh cửa, về những cửa sổ, hay về việc một căn phòng phải rộng lớn như thế nào. Tương tự, tôi không biết những gì phải làm cho một phòng tập latihan. Hết hoảng. Nhưng rồi tôi có một linh thị. Một đêm nọ trong latihan, tôi nhìn lên trên thì thấy một mái vòm rộng lớn của một tòa nhà. Tất cả những gì tôi thấy là mái vòm, những cửa sổ lòi ra và một trần nhà, trông như được treo

từ một dây cung. Tôi trông thấy trong khoảng 3 giây thì nó biến mất.

Tôi không chút may mắn biết những gì phải làm. Không hề có một đầu mối nào. Tôi đến nói với Abdullah Pope, một cộng sự tại IDC: "Giả dụ có một mái vòm như thế này và thế này..." Tôi bắt đầu với một mái vòm hình cầu mặt phẳng vuông. Cái đó không khó làm, vì trong những năm 1920 người Đức đã giải được những công thức toán học cho nó. Đó là một cấu trúc không phải tốn nhiều tiền. Tôi dùng những xà nhà cho mái nhà bên hông, nhưng không biết cách đặt chúng ra sao.

Abdullah đặt chung quanh tòa nhà những cột hình cầu. Tất cả những điều đó là một sự thành công, và theo tôi nghĩ, chỉ tốn 150 ngàn Đô, như vậy là bớt tốn kém. Nhưng chẳng may một vị nào đó chỉ có số vốn là 65 ngàn Đô, thì như vậy là còn thiếu. Mọi người nghĩ đó là một tai họa. Trong 6 tháng tôi xuống dốc thê thảm. Tôi như một nhà ngoại giao không được chính phủ nước sở tại chấp thuận. Có những tin đồn là có những sai sót của tôi làm nền móng của tòa nhà không vững chắc nên không thể xây cất, và tôi cũng chẳng biết phải làm gì.

Bapak như có ý chê bai, nhưng tôi biết mình chỉ việc tiếp tục, dù Bapak có thích hay không. Tôi nghĩ là Bapak không thích việc phải tốn nhiều tiền, và cũng không có đủ nguồn tài chánh cho Hội Nghị. Varindra Vittachi, chủ tịch Hội đồng Subud Thế giới, phải công du khắp thế giới, để yêu cầu đóng góp số tiền còn thiếu là 50 ngàn Đô. Hồi đó, chuyện đó thật to tát. Khoảng một tháng trước lúc Hội Nghị Bapak phái một vị nọ tới nói với tôi: "Cái đó không thể xây xong. Chúng ta phải kiếm những nơi ăn chốn ở khác như tại Hotel Indonesia, hay nơi nào khác." Tôi nói: "Sẽ xây xong. Nếu Bapak không muốn thì cũng chẳng sao, nhưng nó sẽ xây xong." Tôi phải cắn răng chịu đựng.

Tháng Năm chúng tôi xây xong, và tháng Sáu thì Hội Nghị khai mạc. Thật sát nút. Chúng tôi trải thảm ngày trước lúc Tổng Thống tới khai mạc. Tôi đã trải qua việc mình là một con chiên ghê -mọi người xì xầm sau lưng mình- nhưng đó lại là một điều có lợi. Có lợi theo nghĩa là tôi học được cách sống với cái tình cảnh đó. Cho tới lúc đó tôi luôn muốn

mình là một kẻ được mển chuộng, một người bạn của mọi người, tôi rất chú ý tới những gì thiên hạ nghĩ về mình. Nếu không trải qua những gì nói trên, tôi sẽ mất thăng bằng lúc Hội Nghị, vì mình chợt thành một người hùng.

Phòng tập latihan xây xong, mọi người đều nghĩ điều đó thật tuyệt vời. Tôi làm công việc thông dịch, và chợt nhiên mọi người đều mển chuộng tôi. Điều đó không khiến tôi tự mãn là vì trước kia người ta đã có ác ý với tôi. Khi mọi người nói tôi thật tài ba, điều đó không làm tôi cảm kích. Hội Nghị 1971 là một trải nghiệm đáng kể. Đó là một lúc rất lạc quan. Mọi người đều phấn khởi. Ngoài phòng tập latihan ra -một phòng tập rộng lớn chưa từng thấy trong lịch sử của thế giới và được xây cất trong 6 tháng- chúng tôi còn xây cất những ngôi nhà làng dài 100m để chứa 1500 người.

Thiên hạ chìm đắm trong cái môi trường đó -mọi điều đều mới lạ. Hồi đó cường độ năng lượng của những nhóm Subud chung đụng nhau trở nên mãnh liệt hơn. Chính trong hoàn cảnh đó Bapak tuyên bố chúng ta nên có một ngân hàng. Người đã nói tới điều đó kể từ năm 1959, nhưng luôn một cách khái quát, và bây giờ thì chúng tôi hiểu được người muốn nói gì. Trong tình trạng phấn khởi, thiên hạ hiểu được ý nghĩ của Bapak. Họ vui lòng chấp nhận bất cứ những gì Bapak nói. Nên sau lúc Hội Nghị Bapak làm một chuyến du hành để quyên góp tiền, và tới năm 1972 người ta cảm thấy sẽ làm xong ngân hàng. Thực vậy, tôi nghĩ như vậy là rõ rệt; tiền bạc thì không thiếu. Thật tuyệt vời. Số tiền nhiều nhất quyên góp được trước đó cho phòng tập latihan là 150 ngàn Đô, và bây giờ thì chúng tôi có một triệu rưỡi.

Tất cả những điều đó thật độc đáo, với một hương vị đặc biệt của những gì xảy ra trong Subud. Tất cả những biến cố xảy tại Hội Nghị đều dựa trên sự tiếp nhận của Bapak. Bapak tiếp nhận chúng ta phải quyên góp tiền cho một ngân hàng. Ban đầu ngân hàng phải là bên Đức, nhưng người Đức nói điều đó không thể thực hiện, nên Bapak nói sẽ là ở Indonesia, vì tại đó có thể lập nên một ngân hàng với một triệu Đô rưỡi. Sau một chuyến du hành trong năm 1972, Bapak tuyên bố chúng ta sẽ xây cất một khu văn

phòng tại Jakarta. Bapak chắc phải có cái ý nghĩ đó trong lúc du hành. Điều đó cũng vậy với khách sạn vài năm sau đó.

Người luôn nói rằng mình mong cho IDC sẽ đi vào lĩnh vực thầu khoán và triển khai bất động sản. Người nói rằng cái nghề tư vấn sẽ không bao giờ trở nên quy mô khiến được nhiều lợi lộc. Một tư vấn phải trong sạch, không vết nhơ trong sự buôn bán. Chúng tôi trong sạch và không vết nhơ thì thiên hạ chung quanh mình lại phát tài nhờ bất động sản. Nhiều kẻ trở nên giàu có trong những năm đó, trong khi chúng tôi phải đổ mồ hôi với tiền thù lao là 5%.

Một hôm nọ, trong lúc lái xe tôi tình cờ gặp một cố vấn thuế vụ, và chúng tôi thành đôi bạn thân. Một hôm nọ, trong văn phòng tôi, ông nói với tôi: "Nếu tới đây giữa những năm 1969 và 1972 và nếu không thành triệu phú thì ông thật điên độn." Tôi thấy đó là sự thật: chúng tôi thật điên độn. Cuối cùng Bapak nhúng tay vào mọi việc nên nói: "Bapak sẽ lập nên một công ty thầu khoán nên muốn bạn điều hành nó." Ngay lúc đầu năm 1973 chúng tôi đã tập trung vào việc đó. Chúng tôi mua một vài khu đất với tiền mượn của ngân hàng là 150 triệu Rupiah. P.T.S Widjojo là hai kinh doanh song hành. Một bên là văn phòng quyên góp tiền từ hội viên; bên kia là kinh doanh thầu khoán cho những người khác.

Theo những gì tôi còn nhớ, Bapak luôn coi trọng S.Widjojo. Nó không liên quan gì tới Anugraha mà thiên hạ coi là biểu tượng của Subud, hay một nơi gặp gỡ của Subud. Người coi đó là một khuôn mẫu cho kinh doanh, một biểu tượng về sự hoạt động của Subud trên thế giới, một sự thành công trong kinh doanh, và đó cũng là cách Bapak mong cho chúng ta làm kinh doanh.

Có một bài nói chuyện của Bapak trong đó người đọc thấy đó là như một khuôn hình cho kinh doanh, vì người mô tả tất cả những yếu tố cho thành công, tiếp thị và vv...Subud không thiếu gì những năng khiếu đó, và việc tụ tập tất cả những yếu tố đó tại Cilandak thì không mấy khó khăn. Thiên hạ thích tới Cilandak để được tư vấn mà không tốn kém nhiều. Chúng tôi có khoảng 40 hội viên Subud là những chuyên gia trong việc đó, và còn mời một số người

khác trợ giúp. Điều thiếu thốn, theo tôi, là sự quản lý tài chánh. Ước vọng của Bapak là có một dự án không cần nhiều tiền của Subud, mà là của bên ngoài, nhưng điều đó đã không có kết quả.

Có lẽ nếu biết được nhưng gì mình đang làm, chúng ta sẽ không bao giờ làm như đã làm. Về phương diện tài chánh, chúng ta thật vụng về. Điều kinh ngạc không là việc chúng ta có vấn đề, mà là điều mọi việc đã không đổ vỡ ngay lúc ban đầu. Những gì xảy ra đã khiến lo ngại từ đầu tới cuối. Luôn luôn là hết lo ngại này tới lo ngại khác. Không lúc nào không là lúc đứng bên bờ vực thẳm. Luôn là việc nếu dừng chân lại thì sẽ mất hết tất cả. Trường hợp đó như Anugraha. Sự khác biệt trong việc đó là chúng tôi hiểu được điều mình đang làm. Chúng tôi hiểu được cách xây cất những cao ốc một cách hiệu nghiệm và bớt tốn kém. Chúng tôi gục ngã trong những lĩnh vực mình yếu kém, một điều không mấy khiến ngạc nhiên. Theo tôi, đó là điều học hỏi được: muốn thành công thì phải có đầy đủ những yếu tố của kinh doanh.

Tới một phần nào đó, tôi nghĩ là tiềm thức mình đã xóa đi cái thời kì đó: chỉ được tài trợ keo kiệt, mỗi tháng cần 100 ngàn mà không biết có nhận được tiền hay không. Đương nhiên là tôi không mong cái trải nghiệm đó cho mọi người. Đúng ra đó là việc tránh lạm tiêu những nguồn tài trợ, nhưng không là cách làm việc có hiệu quả. Thiên hạ đôi khi hỏi tôi là có gì đó hay không có thể coi mình làm kinh doanh khác với những gì thường được làm, và ngoài nỗi tuyệt vọng, có gì đó là tiếp nhận và hướng dẫn?

Theo tôi nghĩ, chúng ta nên tìm cách làm kinh doanh như điều thường làm. Nhưng tất nhiên có sự khác biệt này: đó là kinh doanh của Bapak, người theo dõi mỗi ngày về những gì đang xảy ra. Còn một chuyện khác nữa. Tôi không biết bạn có tin điều này không, vì tôi nói tới những phép màu xảy ra trong những hoàn cảnh đó. Tôi nhận thấy có một chu kì của những phép màu. Có hai điều xảy ra. Thứ nhất là mù quáng tin tưởng. Ta biết mình đang trên bờ vực thẳm, nhưng lại không biết là ở đâu. Ta mong có gì đó xảy ra trước khi mình bị xô ngã xuống đó, nhưng chẳng có gì xảy ra.

Ta nhìn những vị đang ngồi chung quanh bàn rồi nói là tới lúc sập tiệm rồi. Có nên tiếp tục hay bỏ cuộc? Và chính đó là lúc phép màu xảy ra. Luôn phải tới bờ của vực thẳm thì phép màu mới xảy ra. Tôi không hiểu tại sao lại vậy, nhưng đó hình như là điều đã xảy ra. Một thí dụ về điều đó là trường hợp Anugraha. Tôi gia nhập Anugraha trong năm 1983, sau khi nó thiếu hụt tài chánh và còn lâu thì mới xây xong. Nhiệm vụ của tôi là tìm cách xây cho xong và làm cho nó không bấp bênh tài chánh.

Tình hình thật tuyệt vọng, chúng tôi chưa từng tới chỗ phải nói: "Thôi, thế là hết." Luôn có tiền vào nhưng tới tháng Năm thì chẳng còn gì nữa. Tôi đến Mỹ để quyên góp tiền thì nhận được một cú điện thoại từ Anugraha. "Thôi rồi," người ta cho tôi hay, "chúng ta tới số rồi, có một đồng hóa đơn đòi tiền, và có hai kẻ đòi kiện chúng ta. Quên đi chuyện tới nước Mỹ, phải trở về ngay để giải quyết chuyện này."

Tôi trải nghiệm và cảm thấy, không, như vậy chưa là hết, và tôi đã trở về Anh. Đêm trước lúc đi dự buổi họp để giải quyết Anugraha, tôi đọc các hồ sơ để tìm xem điều gì đã xảy ra, và lúc đã khuya tôi nhận được một cú điện thoại từ một phụ nữ: "Tôi đã xem bức thư về sự xuống dốc của Anugraha, và nếu nó xuống dốc thì BSB và S.Widjojo cũng xuống dốc theo; tôi không thể chịu đựng cái ý nghĩ về việc Bapak phải trải qua điều đó. Chồng tôi đang ở London và sẽ gặp anh sáng hôm nay, nhưng anh phải đi ngay vì ông sẽ lấy máy bay ra đi lúc chiều."

Nên sáng hôm sau, tôi đến gặp ông chồng bà ta - ông không là hội viên Subud. Ông nói: "Tôi có ý định ra đi hôm qua, nhưng chuyến bay tôi đã bị hoãn lại, nên tôi còn nơi đây và đó là ý Thượng Đế. Tôi không có ý định gặp ông, nhưng điều xảy ra là nhà tôi đã nhận được bức thư, nên tôi sẽ giúp ông. Tôi sẽ cho ông mượn một triệu bảng Anh mà không lấy lời."

Đó là điều đã xảy ra, chúng tôi trò chuyện về Bapak, về điều này điều nọ, trong khi thư kí của ông viết cho tôi một ngân phiếu. Và tôi đến dự buổi họp với một ngân phiếu một triệu bảng Anh. Đó là một trong những gì bất thường đã xảy ra, nhưng luôn theo một khuôn mẫu y như vậy. Ta

phải đến chỗ là thực tế. Ta phải đối diện thực tế trước khi được trợ giúp. Tôi cảm thấy Bapak đã nhìn thấy nhiều hơn tất cả chúng ta. Tôi không thể chấp vá lại tất cả.

Bạn có thể nghĩ rằng gần cận Bapak trong những năm qua chắc tôi đã hấp thu đầy đủ để nhìn thấy những gì sẽ xảy ra, nhưng tôi đã không được như vậy. Tôi cảm thấy mình như một con bọ chết trên lưng một con voi. Những gì Bapak nhìn thấy vượt xa những gì của tôi. Theo tôi thấy, khi nói rằng chúng ta sẽ có một ngân hàng hay xây cất một cao ốc, Bapak đã lấy nó ra từ cái toàn cảnh nhìn thấy. Hay đó là lúc Bapak được cho hay đó là lúc bắt đầu thực hiện cái đó. Trong việc này, Bapak rất thực tế và thiết thực, chỉ nhằm tới một mục tiêu đặc biệt. Theo tôi thấy, Bapak cũng đang đi tìm. Tôi tin rằng Bapak thấy được điều gì đó trong tương lai, nhưng không hẳn là thấy được tất cả những bước đi tới đó. Có lẽ đó là công việc của chúng ta. Người đầy đủ khôn ngoan để hiểu được rằng ta chỉ có thể tới bất cứ nơi nào đó bằng cách chỉ nhằm tới cái gì thật đặc biệt, như cần có hai triệu Đô cho một ngân hàng.

Nhưng điều đó lại thường là vấn đề cho chúng ta, vì chúng ta trở nên thiếu linh động. Bapak muốn một ngân hàng, chúng ta phải lập nên một ngân hàng. Hay tới năm 1983 chúng ta phải lập nên một trung tâm hội họp cho 2000 người. Bản thân Bapak rất linh động vì luôn xét lại mục tiêu mình dưới ánh sáng của kinh nghiệm và những gì xảy ra không như dự tính. Chẳng hạn, tôi nhớ tới mọi việc đã thay đổi như thế nào trong những chuyến đi thể giới. Chúng tôi sắp tới Mexico. Nhưng có những vụ náo loạn và một trận động đất làm cho mọi việc phải thay đổi. Bapak không bao giờ bị vướng víu trong bất cứ gì, nhưng chúng ta thì bị. Chúng ta đôi khi coi những lời khuyên của Bapak như những gì ghi khắc vào đá. Đó là vấn đề với tất những dự án lớn của Bapak.

Có một khoảng trống giữa cái nhìn của Bapak, cái nhìn một sứ giả của Thượng Đế, với cái khả năng thực hiện được cái nhìn đó của chúng ta. Nhìn lại Hội Nghị 1971, chúng ta thấy đó là lúc lạc quan trong sự phát triển của Subud. Hiện nay thì đôi khi chúng ta cảm thấy mình đã không

đạt được mục tiêu. Theo tôi, chúng ta cũng sẽ không biết đến lúc nào mình có thể nói là Subud sẽ như thế nào, bởi Subud sẽ không chỉ phát triển bằng cách đặt nhiệm vụ cho mình. Cái bất ngờ, Bàn Tay của Thượng Đế, đóng một vai trò chánh yếu, và mọi việc sẽ xảy ra để chúng ta nhìn thấy đường đi nước bước mình.

Có những vỡ mộng vì những khó khăn với những dự án lớn, và mỗi người chúng ta chỉ có thể nói về những gì mình hiểu biết. Theo sự hiểu biết của tôi, chúng ta đã trưởng thành tới chỗ học được cái gì mới mẻ, trải nghiệm được những vấn đề mới mẻ. Chúng ta bắt đầu hiểu thêm được đôi chút về quan hệ mình với thế giới bên ngoài, cái khả năng biến thành hành động những gì tiếp nhận được từ latihan của chúng ta. Chúng ta đang lớn lên, nhưng chưa lớn hẳn, có lẽ còn trình độ trung học, và bắt đầu loại trừ được một vài ảo tưởng, và điều đó luôn khiến đau đớn.

